BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÀ LẠT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc

Số: 982.../HD-ĐHĐL

Lâm Đồng, ngày 21 tháng 10 năm 2021

HƯỚNG DẪN
Về việc thực hiện chế độ miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, hỗ trợ học tập và trợ cấp xã hội đối với sinh viên hệ đào tạo chính quy Trường Đại học Đà Lạt

Căn cứ Nghị định 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo. Trường Đại học Đà Lạt hướng dẫn về việc thực hiện chế độ miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, hỗ trợ học tập và trợ cấp xã hội đối với sinh viên hệ đào tạo chính quy.

I. Quy định chung

1. Quy định này áp dụng đối với sinh viên hệ đào tạo chính quy thuộc đối tượng miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, hỗ trợ học tập và trợ cấp xã hội.

2. Việc miễn, giảm học phí cho sinh viên được thực hiện tại trường nơi sinh viên đang học tập. Nhà nước thực hiện cấp bù học phí trực tiếp cho nhà trường để nhà trường thực hiện chế độ miễn, giảm học phí cho sinh viên thuộc đối tượng miễn, giảm học phí.

3. Việc cấp bù học phí theo 10 tháng/năm (5 tháng/học kỳ) căn cứ số lượng người học thực tế thuộc diện được miễn, giảm học phí và mức thu học phí (mức cấp bù học phí cho các trường theo khung học phí của từng nhóm ngành được quy định tại Nghị định số 81/2021/NĐ-CP).

4. Đối với đối tượng thuộc diện được miễn học phí là sinh viên hệ cử tuyển: các địa phương thực hiện chi trả kinh phí đào tạo (bao gồm tiền học phí, học bổng và trợ cấp) trên cơ sở hợp đồng với Trường Đại học Đà Lạt.

5. Các đối tượng thuộc diện được miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập theo quy định tại Hướng dẫn này mà cùng một lúc được hưởng nhiều chính sách hỗ trợ có cùng tính chất thì chỉ được hưởng một chế độ ưu đãi cao nhất.

6. Sinh viên thuộc diện được miễn, giảm học phí nếu đồng thời học ở nhiều cơ sở giáo dục hoặc nhiều khoa, nhiều ngành trong cùng một trường thì được hưởng một chế độ ưu đãi

7. Không áp dụng chế độ ưu đãi về miễn, giảm học phí đối với sinh viên trong trường hợp đã hưởng chế độ này tại một cơ sở giáo dục đại học, nay tiếp tục học thêm ở một cơ sở giáo dục đại học khác cùng cấp học và trình độ đào tạo.

8. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật nêu tại Hướng dẫn này được sửa đổi, bổ sung hay thay thế bằng văn bản mới thì sẽ được thực hiện theo văn bản mới ban hành.

9. Sinh viên thuộc diện miễn, giảm học phí chỉ phải làm 01 bộ hồ sơ nộp lần đầu cho cả thời gian học tập. Riêng đối với người học thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo thì hàng năm phải nộp bổ sung giấy chứng nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo để làm căn cứ xem xét miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập cho kỳ học tiếp theo.

10. Chỉ áp dụng chế độ miễn, giảm học phí đối với các môn học lần một theo chương trình học, không áp dụng cho các môn học lại, học cải thiện, … cũng như chỉ áp dụng đối với 2 học kỳ chính, không áp dụng đối với học kỳ hè và học kỳ dự thính (nếu có). Số tín chỉ được miễn, giảm học phí là tổng số tín chỉ được quy định trong chương trình đào tạo. Không tính số tín chỉ học lại, học cải thiện, chương trình thứ 2. Số tín chỉ được miễn học phí là 17 tín chỉ/học kỳ.

11. Các trường hợp đặc biệt do Hiệu trưởng quyết định.

12. Thời gian sinh viên bị kỷ luật ngừng học hoặc buộc thôi học, học lưu ban, học lại, học bổ sung thì sẽ không được tính trong dự toán để cấp bù tiền miễn, giảm học phí.

II. NGUYÊN TẮC THỰC HIỆN CHẾ ĐỘ, CHÍNH SÁCH SINH VIÊN

1. Đúng chế độ, chính sách, quy định của Nhà nước và Nhà trường.

2. Đúng đối tượng và thời hạn đối với người được hưởng.

3. Dân chủ, công bằng, công khai, minh bạch.

4. Trong vòng 45 ngày kể từ ngày khai giảng năm học, sinh viên làm Đơn đề nghị miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, hỗ trợ học tập và trợ cấp xã hội *(theo mẫu)* kèm theo bản sao giấy tờ chứng minh thuộc đối tượng miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, hỗ trợ học tập và trợ cấp xã hội nộp tại văn phòng khoa theo tinh thần thông báo của Trường.

III. CHẾ ĐỘ MIỄN, GIẢM HỌC PHÍ

3.1. Căn cứ thực hiện

Nghị định 57/2017/NĐ-CP ngày 09/05/2017 của Chính phủ quy định chính sách ưu tiên tuyển sinh, hỗ trợ học tập đối với trẻ mẫu giáo, học sinh, sinh viên (HSSV) dân tộc thiểu số rất ít người.

Luật số 34/2018/QH14 ngày 19 tháng 11 năm 2018 bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học số 08/2012/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 32/2013/QH13, Luật số 74/2014/QH13 và Luật số 97/2015/QH13;

Thông tư số 01/2019/TT-BLĐTBXH ngày 02 tháng 01 năm 2019 quy định về việc xác định mức độ khuyết tật do hội đồng xác định mức độ khuyết tật thực hiện;

Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Nghị định số 116/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 09 năm 2020 của Chính phủ về chính sách hỗ trợ tiền đóng học phí, chi phí sinh hoạt đối với sinh viên sư phạm;

Pháp lệnh số 02/2020/UBTVQH14 ngày 09/12/2020 của Chủ tịch Quốc hội về Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng;

Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 quy định về chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội;

Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/06/2021 của Thủ tướng Chính phủ về Phê duyệt danh sách các xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 – 2025;

Quyết định số 612/QĐ-UBDT ngày 16/9/2021 do Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban dân tộc về Phê duyệt danh sách thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 – 2025;

Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/08/2021 của Thủ tướng Chính phủ Quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

3.2. Đối tượng và hồ sơ miễn học phí

3.2.1. Đối tượng và hồ sơ miễn 100% học phí

TT	ĐỐI TƯỢNG	HỒ SƠ (Các bản sao phải có chứng thực)	Ghi chú
1	Sinh viên ngành Sư phạm hệ chính qui.		
2	Người có công và thân nhân của người có công với cách mạng theo Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng, cụ thể: - Người có công với cách mạng: Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân; Anh hùng Lao động trong thời kỳ kháng chiến; Thương binh, bao gồm cả thương binh loại B được công nhận trước ngày 31 tháng 12 năm 1993; Người hưởng chính sách như thương binh; Bệnh binh; Người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hoá học; Người hoạt động cách mạng, kháng chiến, bảo vệ Tổ quốc, làm nghĩa vụ quốc tế bị địch bắt tù, đày; Người hoạt động kháng chiến giải phóng dân tộc, bảo vệ Tổ quốc, làm nghĩa vụ quốc tế; Người có công giúp đỡ cách mạng. - Thân nhân của người có công với cách mạng bao gồm cha đẻ, mẹ đẻ, vợ hoặc chồng, con (con đẻ, con nuôi), người có công nuôi liệt sĩ. Cụ thể: - Sinh viên là con của người hoạt động cách mạng trước ngày 01/01/1945; con của người hoạt động cách mạng từ ngày 01/01/1945 đến ngày khởi nghĩa tháng 8/1945. - Sinh viên là con của Anh hùng LLVTND; con của Anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến - Sinh viên là con của liệt sỹ - Sinh viên là con của thương binh - Sinh viên là con của bệnh binh	1. Đơn đề nghị MGHP *(theo mẫu phụ lục 1)* 2. Bản sao Giấy khai sinh. 3. Bản sao Giấy chứng nhận liệt sỹ, thẻ thương binh, bệnh binh…; Quyết định được hưởng trợ cấp với người bị nhiễm chất độc hóa học của Cha hoặc Mẹ.	Xét 1 lần hưởng cả khóa học *(Tính từ thời điểm nộp hồ sơ)*

	- Sinh viên là con của người được hưởng chính sách như thương binh - Sinh viên là con của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học.		
3	Sinh viên từ 16 tuổi đến 22 tuổi đang học giáo dục đại học văn bằng thứ nhất mồ côi, không có nguồn nuôi dưỡng thuộc đối tượng bảo trợ xã hội hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng theo quy định tại điều 5, Nghị định 20/2021/NĐ-CP. Cụ thể: a) Bị bỏ rơi chưa có người nhận làm con nuôi; b) Mồ côi cả cha và mẹ; c) Mồ côi cha hoặc mẹ và người còn lại mất tích theo quy định của pháp luật; d) Mồ côi cha hoặc mẹ và người còn lại đang hưởng chế độ chăm sóc, nuôi dưỡng tại cơ sở bảo trợ xã hội, nhà xã hội; đ) Mồ côi cha hoặc mẹ và người còn lại đang trong thời gian chấp hành án phạt tù tại trại giam hoặc đang chấp hành quyết định xử lý vi phạm hành chính tại trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc; e) Cả cha và mẹ mất tích theo quy định của pháp luật; g) Cả cha và mẹ đang hưởng chế độ chăm sóc, nuôi dưỡng tại cơ sở bảo trợ xã hội, nhà xã hội; h) Cả cha và mẹ đang trong thời gian chấp hành án phạt tù tại trại giam hoặc đang chấp hành quyết định xử lý vi phạm hành chính tại trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc; i) Cha hoặc mẹ mất tích theo quy định của pháp luật và người còn lại đang hưởng chế độ chăm sóc, nuôi dưỡng tại cơ sở bảo trợ xã hội, nhà xã hội;	1. Đơn đề nghị MGHP *(theo mẫu phụ lục 1)* 2. Bản sao Giấy khai sinh. 3. Bản sao Giấy chứng tử của cha, mẹ hoặc Quyết định về việc trợ cấp xã hội của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện. 4. Giấy chứng nhận sinh viên mồ côi *(theo mẫu phụ lục 6)*	Xét 1 lần hưởng cả khóa học *(Tính từ thời điểm nộp hồ sơ)*

	k) Cha hoặc mẹ mất tích theo quy định của pháp luật và người còn lại đang trong thời gian chấp hành án phạt tù tại trại giam hoặc đang chấp hành quyết định xử lý vi phạm hành chính tại trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc; l) Cha hoặc mẹ đang hưởng chế độ chăm sóc, nuôi dưỡng tại cơ sở bảo trợ xã hội, nhà xã hội và người còn lại đang trong thời gian chấp hành án phạt tù tại trại giam hoặc đang chấp hành quyết định xử lý vi phạm hành chính tại trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc.		
4	Sinh viên khuyết tật	1. Đơn đề nghị MGHP *(theo mẫu phụ lục 1)* 2. Kết luận của Hội đồng xét duyệt trợ cấp xã hội cấp xã/ phường/ thị trấn (Mẫu số 01 – ban hanh kèm theo thông tư số 26/ 2021/ TT - BLĐTBXH ngày 12/ 11/ 2021 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội) đối với đối tượng được quy định sinh viên khuyết tật - Giấy xác nhận khuyết tật do Ủy ban nhân dân cấp xã cấp hoặc Quyết định về việc trợ cấp xã hội của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện đối với đối tượng được quy định tại khoản 2 Điều 15 Nghị định 81;	Xét 1 lần hưởng cả khóa học *(Tính từ thời điểm nộp hồ sơ)*
5	Sinh viên là người dân tộc thiểu số có cha hoặc mẹ hoặc cả cha và mẹ hoặc	1. Đơn đề nghị MGHP *(theo mẫu phụ lục 1)*	Xét theo mỗi học kỳ.

	ông bà (trong trường hợp ở với ông bà) thuộc hộ nghèo và hộ cận nghèo theo quy định của Thủ tướng Chính phủ.	2. Bản sao Giấy khai sinh hoặc Giấy chứng nhận dân tộc thiểu số 3. Bản sao sổ hoặc giấy chứng nhận hộ nghèo/ hộ cận nghèo. 4. Bản sao sổ hộ khẩu thường trú.	
6	Sinh viên người dân tộc thiểu số rất ít người ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn hoặc đặc biệt khó khăn. Người dân tộc thiểu số rất ít người bao gồm: La Hủ, La Ha, Pà Thẻn, Lự, Ngái, Chứt, Lô Lô, Mảng, Cống, Cờ Lao, Bố Y, Si La, Pu Péo, Rơ Măm, BRâu, Ơ Đu. (Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/08/2021)	1. Đơn đề nghị MGHP *(theo mẫu phụ lục 1)* 2. Bản sao Giấy khai sinh hoặc 3. Giấy chứng nhận dân tộc thiểu số rất ít người ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn hoặc đặc biệt khó khăn của Ủy ban nhân dân cấp xã cấp. *((theo mẫu phụ lục 7)* 4. Bản sao Sổ hộ khẩu thường trú.	Xét 1 lần hưởng cho cả khóa học *(Tính từ thời điểm nộp hồ sơ)*
7	Sinh viên hệ cử tuyển	1. Đơn đề nghị MGHP *(theo mẫu phụ lục 1)* 2. Quyết định cử đi học của địa phương. 3. Các giấy tờ khác có liên quan.	Xét 1 lần hưởng cho cả khóa học *(Tính từ thời điểm nộp hồ sơ)*

3.2.2. Đối tượng và hồ sơ giảm 70% học phí

TT	ĐỐI TƯỢNG	HỒ SƠ (Các bản sao phải có chứng thực)	Ghi chú
1	Sinh viên là người dân tộc thiểu số (không phải là dân tộc thiểu số rất ít người) ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển hải đảo theo quy định của cơ quan có thẩm quyền (Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/06/2021; Quyết định số 612/QĐ-UBDT ngày 16/9/2021); Các	1. Đơn đề nghị MGHP *(theo mẫu phụ lục 1)* 2. Bản sao trích lục giấy khai sinh hoặc giấy chứng nhận dân tộc thiểu số 3. Bản sao Sổ hộ khẩu	Xét 1 lần hưởng cả khóa học *(Tính từ thời điểm xét hồ sơ)*

	quyết định khác của cơ quan có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung hoặc quy định mới (nếu có)	thường trú 4. Giấy xác nhận ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.	

3.2.3. Đối tượng và hồ sơ giảm 50%học phí

TT	ĐỐI TƯỢNG	HỒ SƠ (Các bản sao phải có chứng thực)	Ghi chú
1	Sinh viên là con cán bộ, công chức, viên chức, công nhân mà cha hoặc mẹ bị tai nạn lao động hoặc mắc bệnh nghề nghiệp được hưởng trợ cấp thường xuyên.	1. Đơn đề nghị MGHP *(theo mẫu phụ lục 1)* 2. Bản sao Giấy khai sinh 3. Bản sao Sổ hưởng trợ cấp hàng tháng của cha/mẹ do tổ chức bảo hiểm xã hội cấp do tai nạn lao động.	Xét 1 lần hưởng cả khóa học *(Tính từ thời điểm xét hồ sơ)*

IV. Hỗ trợ chi phí học tập

4.1. Căn cứ thực hiện

Quyết định số 66/2013/QĐ-TTg ngày 11/11/2013 của Thủ tướng Chính phủ quy định chính sách hỗ trợ chi phí học tập đối với sinh viên là người dân tộc thiểu số học tại các cơ sở giáo dục đại học;

Thông tư liên tịch số 35/2014/TTLT-BGDĐT-BTC ngày 15/10/2014 Hướng dẫn thực hiện Quyết đính số 66/3013/QĐ-TTg;

4.2. Đối tượng và hồ sơ hưởng hỗ trợ chi phí học tập

TT	ĐỐI TƯỢNG	HỒ SƠ (Các bản sao phải có chứng thực)	Mức hỗ trợ	Ghi chú
1	Sinh viên là người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo và hộ cận nghèo theo quy định của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt từng thời kỳ. Không áp dụng đối với sinh viên cử tuyển, sinh viên thuộc các đối tượng chính sách được xét tuyển, đào tạo theo địa chỉ, đào tạo liên thông và học đại	1. Đơn đề nghị hỗ trợ chi phí học tập *(theo mẫu phụ lục 2)* 2. Bản sao Giấy khai sinh 3. Giấy chứng nhận hộ nghèo/ hộ cận nghèo do ủy ban nhân dân xã/ phường/ thị trấn cấp hoặc giấy	60% mức lương cơ sở và được hưởng không quá 10 tháng/ năm học/ sinh viên. Số năm được hưởng hỗ trợ chi phí học tập theo	Xét 1 lần hưởng cả khóa học *(Tính từ thời điểm xét hồ sơ)*

	học, cao đẳng sau khi hoàn thành chương trình dự bị đại học.	chứng nhận học sinh, sinh viên thuộc hộ nghèo/ cận nghèo *(theo mẫu phụ lục 5)*	thời gian đào tạo chính thức.	

V. Hỗ trợ học tập

5.1. Căn cứ thực hiện

Nghị định 57/2017/NĐ-CP ngày 09/05/2017 của Chính phủ quy định chính sách ưu tiên tuyển sinh, hỗ trợ học tập đối với trẻ mẫu giáo, học sinh, sinh viên (HSSV) dân tộc thiểu số rất ít người.

5.2. Đối tượng và hồ sơ hưởng hỗ trợ học tập

TT	ĐỐI TƯỢNG	HỒ SƠ (Các bản sao phải có chứng thực)	Mức hỗ trợ	Ghi chú
1	Sinh viên là người dân tộc thiểu số rất ít người (Cống, Mảng, Pu Péo, Si La, Cờ Lao, Bố Y, La Ha, Ngái, Chứt, Ơ Đu, Brâu, Rơ Măm, Lô Lô, Lự, Pà Thẻn, La Hủ)	1. Đơn đề nghị Hỗ trợ học tập *(theo mẫu phụ lục 3)* 2. Bản sao Giấy khai sinh hoặc 3. Giấy chứng nhận dân tộc thiểu số rất ít người ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn hoặc đặc biệt khó khăn của Ủy ban nhân dân cấp xã cấp. *(theo mẫu phụ lục 7).*	100% mức lương cơ sở/sinh viên/tháng. Thời gian được hưởng hỗ trợ: 12 tháng/năm học/sinh viên cho sinh viên học đủ 9 tháng/năm trở lên; trường hợp sinh viên học không đủ 9 tháng/năm thì được hưởng theo thời gian học thực tế. Phương thức chi trả được thực hiện 2 lần trong năm: lần 1 chi trả 6 tháng vào tháng 10 hoặc tháng 11, lần 2 chi trả 6 tháng vào tháng 3 hoặc tháng 4.	Xét 1 lần hưởng cả khóa học (*Tính từ thời điểm xét hồ sơ*)

			Số năm được hưởng hỗ trợ chi phí học tập theo thời gian đào tạo chính thức.	

VI. Trợ cấp xã hội

6.1. Căn cứ thực hiện

Nghị định số 81-CP ngày 23 tháng 11 năm 1995

Quyết định số 1121/1997/QĐ-TTg ngày 23/12/1997 của Thủ tướng Chính phủ về học bổng và trợ cấp xã hội đối với học sinh, sinh viên các trường đào tạo công lập;

Thông tư liên tịch số 53/1998/TTLT-BGDĐT-BTC-BLĐTBXH ngày 25 tháng 8 năm 1998 của liên tịch Bộ Tài chính, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội về việc hướng dẫn thực hiện chế độ học bổng và trợ cấp xã hội đối với học sinh, sinh viên các trường đào tạo công lập;

Quyết định số 194/2001/QĐ-TTg, ngày 21 tháng 12 năm 2001 của Thủ tướng Chính phủ về việc điều chỉnh mức học bổng chính sách và trợ cấp xã hội đối với học sinh, sinh viên là người dân tộc thiểu số học tại các trường đào tạo công lập quy định tại Quyết định số 1121/1997/QĐ-TTg ngày 23 tháng 12 năm 1997 của Thủ tướng Chính phủ;

Thông tư liên tịch số 13/2002/TTLT-BGDĐT-BTC, ngày 28 tháng 3 năm 2002 của liên tịch Bộ Tài chính, Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn thực hiện Quyết định số 194/2001/QĐ-TTg ngày 21/12/2001 của Thủ tướng Chính phủ về việc điều chỉnh mức học bổng chính sách và trợ cấp xã hội đối với học sinh, sinh viên là người dân tộc thiểu số học tại các trường đào tạo công lập quy định tại Quyết định số 1121/1997/QĐ-TTg ngày 23/12/1997 của Thủ tướng Chính phủ.

Thông tư liên tịch số 18/2009/TTLT/BGDĐT-BTC-BLĐTBXH, ngày 03 tháng 8 năm 2009 của liên tịch Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội, Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung khoản 4 mục I Phần II Thông tư Liên tịch số 53/1998/TTLT/ BGD&ĐT-BTC-BLĐTB&XH ngày 25 tháng 8 năm 1998 của liên tịch Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Tài chính, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện chế độ học bổng và trợ cấp xã hội đối với học sinh, sinh viên các trường đào tạo công lập.

6.2. Đối tượng, mức hưởng và thủ tục hồ sơ

TT	ĐỐI TƯỢNG	HỒ SƠ (Các bản sao phải có chứng thực)	Mức hỗ trợ(đ/tháng)	Ghi chú
1	Sinh viên là người dân tộc thiểu số ở vùng cao. - Người dân tộc thiểu số ở vùng cao là người dân tộc ít người liên tục sống ở vùng cao hoặc có hộ khẩu thường trú ở vùng cao ít nhất từ 3 năm trở lên (tính đến thời điểm vào học tại Trường Đại học Đà Lạt). Vùng cao được quy định tại phụ lục 10 kèm theo Hướng dẫn này.	1. Đơn xin nhận trợ cấp xã hội *(theo mẫu phụ lục 4)* 2. Giấy xác nhận của chính quyền địa phương, sinh viên có cha hoặc mẹ là người dân tộc ít người ở vùng cao có hộ khẩu thường trú tại địa phương từ 03 năm trở lên *((theo mẫu phụ lục 7)* 3. Bản sao sổ hộ khẩu 4. Bản sao giấy khai sinh	140.000	Xét 1 lần hưởng cả khóa học *(Tính từ thời điểm xét hồ sơ)*
2	Học sinh, sinh viên là người tàn tật theo quy định của Nhà nước tại Nghị định số 81/CP ngày 23/11/1995 là những người gặp khó khăn về kinh tế, khả năng lao động bị suy giảm từ 41% trở lên do tàn tật, được Hội đồng y khoa có thẩm quyền xác định (hồ sơ, thủ tục giám định y khoa áp dụng theo hướng dẫn tại Thông tư 34/TT-LB ngày 29/12/1993 của liên Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội - Bộ Y tế).	1. Đơn xin nhận trợ cấp xã hội *(theo mẫu phụ lục 4)* 2. Bản sao chứng thực giấy giám định sức khỏe của hội đồng Y khoa (có ghi rõ tỷ lệ phần trăm về khả năng lao động bị suy giảm). 3. Giấy xác nhận của UBND xã, phường về hoàn cảnh kinh tế khó khăn của sinh viên *(theo mẫu phụ lục 5)*	100.000	Xét 1 lần hưởng cả khóa học *(Tính từ thời điểm xét hồ sơ)*
3	Sinh viên có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn về kinh tế, vượt khó học tập là những người mà gia đình của họ thuộc diện	1. Đơn xin nhận trợ cấp xã hội *(theo mẫu phụ lục 4)* 2. Giấy chứng nhận là sinh viên thuộc hộ nghèo do Uỷ ban nhân dân cấp xã xác	100.000	Xét từng học kỳ

	hộ nghèo phải xuất trình giấy chứng nhận là học sinh, sinh viên thuộc hộ nghèo do Uỷ ban nhân dân cấp xã xác nhận theo mẫu giấy chứng nhận ban hành kèm theo Thông tư 18/2009/TTLT/BGDĐT-BTC-BLĐTBXH, ngày 03 tháng 8 năm 2009.	nhận *(theo mẫu phụ lục 5).* 3. Đối với sinh viên năm thứ nhất: Bản sao học bạ THPT (học lực Giỏi, hạnh kiểm Tốt) - Sinh viên năm thứ 2 đến năm thứ 5: Bảng điểm học tập, rèn luyện của các kỳ kế trước. (Xếp loại học lực Khá trở lên, xếp loại rèn luyện Tốt trở lên)		
4	Sinh viên mồ côi cả cha lẫn mẹ không nơi nương tựa.	1. Đơn xin nhận trợ cấp xã hội *(theo mẫu phụ lục 4)* 2. Bản sao trích lục giấy khai sinh. 3. Bản sao giấy chứng tử của cha, mẹ 4. Giấy xác nhận mồ côi cả cha lẫn mẹ của chính quyền địa phương. *(theo mẫu phụ lục 6)* (Trường hợp sinh viên không có giấy chứng tử của cha và mẹ)	100.000	Xét 1 lần hưởng cả khóa học *(Tính từ thời điểm xét hồ sơ)*

VII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Phòng Chính trị và Công tác sinh viên

Chịu trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức thực hiện thống nhất trong phạm vi toàn Trường các quy định về chế độ chính sách đối với sinh viên.

Tiếp nhận, xét duyệt hồ sơ và xác định mức miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, hỗ trợ học tập và trợ cấp xã hội đối với sinh viên. Đồng thời lập danh sách sinh viên được miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, hỗ trợ học tập và trợ cấp xã hội trình Hiệu trưởng phê duyệt.

Cấp, xác nhận cho sinh viên hồ sơ xin vay vốn tín dụng sinh viên, miễn, giảm, hỗ trợ học phí và các chế độ chính sách khác tại địa phương.

2. Phòng Tài chính

Phối hợp với Phòng chính trị và Công tác sinh viên lập dự toán kinh phí toán kinh phí miễn, giảm, hỗ trợ học tập, hỗ trợ chi phí học tập, trợ cấp xã hội hàng năm theo mẫu

quy định gửi Bộ Giáo dục và Đào tạo phê duyệt, bố trí kinh phí thực hiện trong dự toán ngân sách hàng năm.

Phối hợp với các đơn vị liên quan chi trả tiền miễn, giảm học phí, trợ cấp xã hội, hỗ trợ chi phí học tập, hỗ trợ học tập cho sinh viên theo quy định.

3. Các Khoa

Tiếp nhận và xác nhận đơn đề nghị miễn, giảm học phí, trợ cấp xã hội, hỗ trợ chi phí học tập, hỗ trợ học tập cho sinh viên. Tổng hợp hồ sơ và lập danh sách sinh viên của khoa đủ điều kiện được miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, hỗ trợ học tập và trợ cấp xã hội gửi về phòng Chính trị và Công tác sinh viên theo quy định.

Triển khai đến sinh viên các quy định về chế độ chính sách sinh viên và kết quả thực hiện các chế độ chính sách sinh viên của Nhà trường, tổng hợp các ý kiến, kiến nghị của sinh viên trong thực hiện chế độ chính sách sinh viên.

4. Đối với sinh viên

Phải tìm hiểu và nghiên cứu hướng dẫn này.

Làm đầy đủ hồ sơ, nộp đúng thời gian quy định của Nhà trường.

Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp của các giấy tờ xác nhận, nếu phát hiện có sai trái, sẽ bị xử lý kỷ luật và phải bồi hoàn kinh phí đã được hỗ trợ.

VIII. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Hướng dẫn này có hiệu lực từ ngày ký. Những quy định trước đây trái với Hướng dẫn này đều bãi bỏ./.

Nơi nhận:
- Ban Giám hiệu (để báo cáo);
- Các đơn vị (để thực hiện);
- Lưu: VT, CT-CTSV.

HIỆU TRƯỞNG

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÀ LẠT

Lê Minh Chiến

Phụ lục 1

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ MIỄN, GIẢM HỌC PHÍ

Kính gửi: Hiệu trưởng Trường Đại học Đà Lạt.

Họ và tên:……..Giới tính:…….

Ngày, tháng, năm sinh: ……Nơi sinh: ……

Hộ khẩu thường trú (ghi rõ thôn, xã, huyện, tỉnh): ……..

……Dân tộc……

Số chứng minh hoặc số thẻ căn cước: ……

Ngày cấp: ……/……/……. Nơi cấp: ……

Khóa: …… Khoa: ……. Lớp: ……. Học kỳ: …….Năm học: ……

Mã số sinh viên: ……Điện thoại: ……..

Số tài khoản của sinh viên: ……..Ngân hàng: …….

Thuộc đối tượng: …….

Căn cứ Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 08 năm 2021.

Căn cứ Hướng dẫn số……/HD-ĐHĐL ngày…... tháng 10 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Đà Lạt, tôi làm đơn này đề nghị được Nhà trường xem xét để được miễn, giảm học phí theo quy định và chế độ hiện hành.

Lâm Đồng, ngày ..... tháng .... năm.....

Xác nhận của Khoa	**Người làm đơn**
(*Ký tên và ghi rõ họ tên*)	(*Ký tên và ghi rõ họ tên*)

GHI CHÚ:

- Chủ tài khoản phải là sinh viên, không nhờ tài khoản của người khác.
- Căn cứ thông báo số 1143/TB-ĐHĐL ngày 20/9/2019 về việc thanh toán bằng chuyển khoản cho sinh viên Nhà trường thực hiện thanh toán và chuyển khoản cho sinh viên ở 02 Ngân hàng Agribank hoặc Vietcombank chi nhánh Lâm Đồng:

Phụ lục 2

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ CHI PHÍ HỌC TẬP

(Dành cho sinh viên là dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo, cận nghèo)

Kính gửi: Hiệu trưởng Trường Đại học Đà Lạt.

Họ và tên: ……Giới tính: ……Dân tộc: ……

Ngày, tháng, năm sinh: …… Nơi sinh: ……

Hộ khẩu thường trú (ghi rõ thôn, xã, huyện, tỉnh): ……

……

Khóa: ……Khoa: ……..Lớp: ……..Học kỳ:……Năm học: ……

Mã số SV: ……

Số CMND hoặc số thẻ căn cước: ……..

Ngày cấp: …… /……../……Nơi cấp:……

Điện thoại: …… Email: ……..

Số tài khoản của sinh viên: ……Ngân hàng: ……

Thuộc đối tượng (*Đánh dấu X vào cột tương ứng*):

1	Sinh viên là người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo	
2	Sinh viên là người dân tộc thiểu số thuộc hộ cận nghèo	

Căn cứ Quyết định số 66/2013/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

Căn cứ vào Hướng dẫn số ……/HD-ĐHĐL ngày……. tháng 10 năm 2021 của Hiệu trưởng Đại học Đà Lạt, tôi làm đơn này đề nghị được Nhà trường xem xét cấp tiền hỗ trợ chi phí học tập theo quy định và chế độ hiện hành.

Lâm Đồng, ngày ..... tháng .... năm……

Xác nhận của Khoa	**Người làm đơn**
(*Ký tên và ghi rõ họ tên*)	(*Ký tên và ghi rõ họ tên*)

GHI CHÚ:

- Chủ tài khoản phải là sinh viên, không nhờ tài khoản của người khác.
- Căn cứ thông báo số 1143/TB-ĐHĐL ngày 20/9/2019 về việc thanh toán bằng chuyển khoản cho sinh viên Nhà trường thực hiện thanh toán và chuyển khoản cho sinh viên ở 02 Ngân hàng Agribank hoặc Vietcombank chi nhánh Lâm Đồng.

Phụ lục 3

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ HỌC TẬP

Kính gửi: Hiệu trưởng Trường Đại học Đà Lạt

Họ và tên: ……Giới tính: ……..
Ngày, tháng, năm sinh: ……Nơi sinh: ……..
Hộ khẩu thường trú (ghi rõ thôn, xã, huyện, tỉnh): ……
……
Khóa: ……Khoa: ……..Lớp: ……Học kỳ:……Năm học: ……
Mã số SV: ……
Số CMND hoặc số thẻ căn cước: ……
Ngày cấp: ……../……../…….. Nơi cấp: ……
Điện thoại: …… Email: ……..
Số tài khoản của sinh viên: ……Ngân hàng: ……

Thuộc đối tượng: Dân tộc thiểu số rất ít người *(đánh dấu "X" phía sau tên dân tộc mình)*

Cống □, Mảng □, Pu Péo □, Si La □, Cờ Lao □, Bố Y □, La Ha □, Ngái □, Chứt □, Ơ Đu □, Brâu □, Rơ Măm □, Lô Lô □, Lự □, Pà Thẻn □, La Hủ □.

Căn cứ Nghị định số 57/2017/NĐ-TTg của Chính phủ, tôi làm đơn này đề nghị các cấp quản lý xem xét, giải quyết cấp tiền hỗ trợ học tập theo quy định và chế độ hiện hành./.

Lâm Đồng, ngày ..... tháng .... năm……

Xác nhận của Khoa	**Người làm đơn**
(*Ký tên và ghi rõ họ tên*)	(*Ký tên và ghi rõ họ tên*)

GHI CHÚ:

- Chủ tài khoản phải là sinh viên, không nhờ tài khoản của người khác.
- Căn cứ thông báo số 1143/TB-ĐHĐL ngày 20/9/2019 về việc thanh toán bằng chuyển khoản cho sinh viên Nhà trường thực hiện thanh toán và chuyển khoản cho sinh viên ở 02 Ngân hàng Agribank hoặc Vietcombank chi nhánh Lâm Đồng:

Phụ lục 4

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ HƯỞNG TRỢ CẤP XÃ HỘI

Kính gửi: Hiệu trưởng Trường Đại học Đà Lạt

Họ và tên: .....Giới tính:.....
Ngày, tháng, năm sinh: .....Dân tộc: .....Nơi sinh:.....
Hộ khẩu thường trú *(ghi rõ thôn, xã, huyện tỉnh):* .....
.....
Khóa: .....Khoa: .....Lớp: .....Học kỳ:.....Năm học: .....
Mã số SV: .....
Điện thoại: .....Email:.....
Số tài khoản của sinh viên: ..... Ngân hàng:.....
Chi nhánh: .....
Thuộc đối tượng *(đánh dấu X vào cột tương ứng)*

1	Sinh viên là người dân tộc thiểu số ít người vùng cao, vùng có điều kiện kinh tế- xã hội đặc biệt khó khăn	
2	Sinh viên mồ côi cả cha lẫn mẹ không nơi nương tựa	
3	Sinh viên là người tàn tật theo quy định chung của Nhà nước và gặp khó khăn về kinh tế	
4	Sinh viên có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn về kinh tế vượt khó học tập	

Căn cứ quyết định số 1121/1997/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, tôi làm đơn này kính mong Nhà trường xét cho tôi được hưởng chế độ trợ cấp xã hội.

Lâm Đồng, ngày ..... tháng .... năm.....

Xác nhận của Khoa
(*Ký tên và ghi rõ họ tên*)

Người làm đơn
(*Ký tên và ghi rõ họ tên*)

GHI CHÚ:

- Chủ tài khoản phải là sinh viên, không nhờ tài khoản của người khác.
- Căn cứ thông báo số 1143/TB-ĐHĐL ngày 20/9/2019 về việc thanh toán bằng chuyển khoản cho sinh viên Nhà trường thực hiện thanh toán và chuyển khoản cho sinh viên ở 02 Ngân hàng Agribank hoặc Vietcombank chi nhánh Lâm Đồng:

Phụ lục 5

Mẫu giấy chứng nhận học sinh, sinh viên thuộc hộ nghèo

(kèm theo Thông tư liên tịch số18/2009/TTLT/BGDĐT-BTC-BLĐTBXH ngày 3 tháng 8 năm 2009)

UBND HUYỆN ..... **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

UBND XÃ ..... **Độc lập- Tự do- hạnh phúc**

Số /UB-VX

....., ngày tháng năm 20.....

GIẤY CHỨNG NHẬN HỌC SINH, SINH VIÊN THUỘC HỘ NGHÈO

UBND xã..... xác nhận: .....

- Anh (chị).....Dân tộc.....
- Sinh ngày .....tháng ..... năm .....
- Hộ khẩu thường trú .....

.....

- Là con (em) ông (bà) .....
- Gia đình ông (bà) đang thuộc diện hộ ....., cận ..... xác định năm .....
- Theo sổ danh sách hộ nghèo của xã đang quản lý
- Số thứ tự ..... trong sổ theo dõi năm .....Mã số ..... *(nếu có)*

Đề nghị nhà trường thực hiện chế độ học bổng và trợ cấp xã hội cho anh (chị) ..... theo quy định./.

TM. UỶ BAN NHÂN DÂN XÃ
CHỦ TỊCH
(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

Phụ lục 6

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐƠN XIN XÁC NHẬN
Là người mồ côi cả cha lẫn mẹ không nơi nương tựa

Kính gửi: Ủy ban nhân dân xã/phường/thị trấn .....

Tôi tên là: .....Giới tính: .....Dân tộc:.....

Ngày, tháng, năm sinh: .....Nơi sinh: .....

Số CMND hoặc thẻ căn cước: .....Ngày cấp: .....Nơi cấp:.....

Mã số sinh viên: .....Lớp: ..... Khóa học:.....

Khoa: ..... Trường Đại học Đà Lạt

Điện thoại: .....Email:.....

Hộ khẩu thường trú *(ghi rõ thôn, xã, huyện, tỉnh):* .....

.....

Họ tên cha: ..... qua đời năm: .....

Họ tên mẹ: .....qua đời năm: .....

Nay tôi làm đơn này kính đề nghị UBND xã/phường/thị trấn.....xác nhận tôi thuộc diện sinh viên mồ côi cả cha lẫn mẹ không nơi nương tựa.

Lý do: để hoàn thiện hồ sơ xét Trợ cấp xã hội tại Trường Đại học Đà Lạt theo chính sách của Nhà nước hiện hành.

Tôi xin cam đoan và chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung đã ghi trong đơn.

Xin chân thành cảm ơn!

....., ngày ... tháng ... năm .....

Xác nhận của UBND
xã/phường.....

Người làm đơn
(ký và ghi rõ họ tên)

Phụ lục 7

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ XÁC NHẬN
Là người dân tộc thiểu số rất ít người ở vùng cao, vùng sâu và vùng có điều kiện kinh tế- xã hội đặc biệt khó khăn

Kính gửi: Ủy ban nhân dân xã/phường/thị trấn .....

Tôi tên là: .....Giới tính: ..... Dân tộc: .....

Ngày, tháng, năm sinh: .....Nơi sinh: .....

Số CMND hoặc thẻ căn cước: .....Ngàycấp:.....Nơi.....cấp: .....

Mã số sinh viên: ..... Lớp: ..... Khóa học: .....

Khoa: ..... , Trường Đại học Đà Lạt

Điện thoại: .....Email: .....

Hộ khẩu thường trú *(ghi rõ thôn, xã, huyện, tỉnh):* .....

.....

Họ tên cha: ..... Dân tộc: .....

Họ tên mẹ: ..... Dân tộc: .....

Nay tôi làm đơn này kính đề nghị UBND xã/phường/thị trấn .....xác nhận tôi thuộc đối tượng (đánh dấu X vào ô tương ứng):

1	Là người dân tộc thiểu số rất ít người ở vùng cao	
2	Là người dân tộc thiểu số rất ít người ở vùng sâu	
3	Là người dân tộc thiểu số rất ít người ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn	

Có cha hoặc mẹ là người dân tộc thiểu số rất ít người đã đăng ký hộ khẩu tại địa phương từ ngày.....tháng .....năm..... đến nay. (ngày.....tháng .....năm.....)

Lý do: để hoàn thiện hồ sơ xét Trợ cấp xã hội tại Trường Đại học Đà Lạt theo chính sách của Nhà nước hiện hành.

Tôi xin cam đoan và chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung đã ghi trong đơn.

Xin chân thành cảm ơn!

....., ngày ... tháng ... năm .....

Xác nhận của UBND xã/phường.....

Người làm đơn
(ký và ghi rõ họ tên)

Phụ lục 8

Mẫu số 06

(Ban hành kèm theo Thông tư số 01/2019/TT-BLĐTBXH ngày 02 tháng 01 năm 2019)

MẪU GIẤY XÁC NHẬN KHUYẾT TẬT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY XÁC NHẬN KHUYẾT TẬT

Số hiệu:……

Họ và tên:.....

Ngày, tháng, năm sinh:.....

Giới tính: .....

Nơi ĐKHK thường trú: .....

Nơi ở hiện nay:.....

Dạng khuyết tật: .....

Mức độ khuyết tật: .....

Ngày……tháng ....năm……
Chủ tịch UBND…….
(Ký tên, đóng dấu)

Phụ lục 9

DANH MỤC CÁC XÃ, THÔN/BẢN LÀ VÙNG CAO

(Làm căn cứ xét trợ cấp xã hội cho sinh viên)

Dân tộc thiểu số ở vùng cao là người dân tộc ít người liên tục sống ở vùng cao ít nhất 3 năm trở lên (tính đến thời điểm vào học tại Trường Đại học Đà Lạt)

Danh mục được tổng hợp từ các quyết định:

- Quyết định số 21/UB-QĐ ngày 26/01/1993,
- Quyết định số 33/UB-QĐ ngày 4/6/1993,
- Quyết định số 08/UB-QĐ ngày 4/3/1994,
- Quyết định số 64/UB-QĐ ngày 26/8/1995,
- Quyết định số 42/UB-QĐ ngày 23/05/1997,
- Quyết định số 68/UBQĐ ngày 09/08/1997,
- Quyết định số 26/1998/QĐ-UB ngày 18/03/1998,
- Quyết định số 363/2005/QĐ-UBDT ngày 15/08/2005,
- Quyết định số 172/2006/QĐ-UBDT ngày 07/07/2006,
- Quyết định số 01/2007/QĐ-UBDT ngày 31/5/2007,
- Quyết định số 61/QĐ-UBDT ngày 12/03/2009.

STT	TỈNH	HUYỆN	CÁC XÃ, THÔN/ BẢN LÀ VÙNG CAO
1.	**BẮC CẠN**	**Ba Bể**	Xã Thượng Giáo; Xã Khang Ninh; Xã Hà Hiệu; Xã Nam Mẫu; Xã Quảng Khê; Xã Chu Hương; Xã Yến Dương; Xã Mỹ Phương; Xã Địa Linh; Xã Cao Tân; Xã Đồng Phúc; Xã Hoàng Trĩ; Xã Giáo Hiệu; Xã Cao Trí; Xã Bành Trạch; Xã An Thắng; Xã Bằng Thành; Xã Nhạn Môn; Xã Phúc Lộc; Xã Bộc Bố; Xã Công Bằng; Xã Cổ Linh; Xã Cao Thượng; Xã Nghiên Loan; Xã Xuân La.
		Ngân Sơn	Xã Bằng Văn; Xã Lăng Ngân; Xã Vân Tùng; Xã Trung Hoà; Xã Đức Vân; Xã Thượng Quan; Xã Thượng Ân; Xã Cốc Đán; Xã Hương Nê; Xã Thuần Mang.
		Na Rì	Xã Liêm Thuỷ; Xã Đổng Xá; Xã Xuân Dương; Xã Dương Sơn; Xã Côn Minh; Xã Quang Phong; Xã Văn Minh; Xã Hữu Thác; Xã Hảo Nghĩa; Xã Cự Lễ;

			Xã Lam Sơn; Xã Lương Hạ; Xã Kim Lư; Xã Cường Lợi; Xã Lạng San; Xã Lương Thành; Xã Vũ Loan; Xã Văn Học; Xã ân Tình; Xã Lương Thượng; Xã Kim Hỷ.
		Chợ Đồn	Xã Rã Bản; Xã Bằng Lẵng; Xã Đồng Viên; Xã Phương Viên; Xã Đồng Lạc; Xã Ngọc Phái; Xã Nam Cường; Xã Quảng Bạch; Xã Yên Thịnh; Xã Bản Thi; Xã Lường Bằng; Xã Nghĩa Tá; Xã Bình Trung; Xã Huân Phong; Xã Yên Thuận; Xã Yên Mỹ; Xã Đại Sảo; Xã Bằng Phúc; Xã Xuân Lạc; Xã Yên Thượng; Xã Tân Lập.
		Bạch Thông	Xã Phương Linh; Xã Hà Vị; Xã Vi Hương; Xã Dương Quang; Xã Tú Trĩ; Xã Vũ Muộn; Xã Sĩ Bình; Xã Lục Bình; Xã Đôn Phong; Xã Mỹ Thanh; Xã Mai lập; Xã Quang Thuận; Xã Cao Sơn; Xã Tân Sơn; Xã Dương Phong; Xã Yên Cư; Xã Yên Hân; Xã Bình Vân; Xã Như Cố; Xã Quảng Chu.
2.	**BẮC GIANG**	**Sơn Động**	Xã An Châu; Xã An Lập; Xã Chiêm Sơn; Xã Câm Đàn; Xã Yên Định; Xã Vĩnh Khương; Xã An Bá; Xã Lệ Viễn; Xã Thạch Sơn; Xã Phúc Thắng; Xã Quế Sơn; Xã Giáo Liêm; Xã Tuấn Đạo; Xã Bồng Am; Xã Thanh Luận; Xã Long Sơn; Xã Dương Hưu; Xã An Lạc; Xã Hữu Sản; Xã Vân Sơn.
		Lục Ngạn	Xã Xa Lý; Xã Phong Minh; Xã Phong Vân; Xã Tân Sơn; Xã Cấm Sơn; Xã Sơn Hải; Xã Hộ Đáp; Xã Kim Sơn; Xã Phú Nhuận; Xã Đèo Gia; Xã Tân Lập; Xã Tân Mộc; Xã Đồng Cốc (Bản Du; Xã Nam Dương (Thôn Nam Điện; Thôn Bản Lâm); Xã Biên Sơn (Thôn Dộc Bấu; Thôn Dộc Đinh); Xã Thanh Hai (Thôn Khuôn Yên); Xã Kiên Thành (Thôn Cay Lé; Thôn Đèo Cạn; Bản Mùi); Xã Kiên Lao (Thôn Hồ Bồng; Thôn Trại Nóng; Thôn Khuôn Thần).
		Lục Nam	Xã Lục Sơn; Xã Bình Sơn; Xã Trường Sơn; Xã Vô Tranh; Xã Nghĩa Phương (Thôn Bá Gó; Thôn Đồng Man; Thôn Mương Làng; Thôn Suối Ván; Thôn Cổng Xanh; Thôn Hồ Sâu; Thôn Hồ Nước); Xã Đông Hưng (Thôn Đông Sung Cai Vàng; Thôn Am Sang; Thôn Hai Ruộng Đồi Thông; Thôn Trái Cống); Xã Trường Giang (Thôn Tông Lệnh)

			Đồng Vương; Xã Đông Sơn (Thôn Vi Sơn; Thôn Hố Đích; Thôn A Ao Cạn); Xã Hồng Kỳ (Thôn Trại Ba; Thôn Trại Nhì); Xã Tam Hiệp (Thôn Đồng Mười); Xã Tân Hiệp (Thôn Đồng Bông); Xã Đồng Hưu (Thôn Trai Mới; Thôn Suối Dọc; Thôn Đèo Cà; Thôn Đèo Sặt; Thôn Ao Gáo; Thôn Trại Vanh; Thôn Mỏ Hương; Thôn Bãi Danh; Thôn Thái Hà); Xã Đồng Tiến.
3.	**BÌNH ĐỊNH**	**Vân Canh**	Xã Canh Liên; Xã Canh Thuận (Làng Hà Văn Trên; Làng Kà Te; Làng Kờ Bưng)
		An Lão	Xã An Toàn; Xã An Nghĩa; Xã An Quang; Xã An Vinh; Xã An Dũng; Xã An Hưng.
		Vĩnh Thạnh	Xã Vĩnh Sơn; Xã Vĩnh Kim; Xã Vĩnh Hoà; Xã Vĩnh Hiệp; Xã Vĩnh Thịnh; Xã Vĩnh Quang (Làng L3,5,8); Xã Vĩnh Hảo (Làng L7).
		Hoài Ân	Xã Bok - Tới; Xã Đăk – Mang; Xã An Sơn.
		Tây Sơn	Xã Tây Giang; Xã Vĩnh An; Xã Bình Tân (Làng M6); Xã Tây Thuận (Làng Hà Nhe).
4.	**BÌNH THUẬN**	**Tuy Phong**	Xã Phan Dũng; Xã Vĩnh Hảo (Thôn Dân Tộc).
		Bắc Bình	Xã Phan Điền; Xã Lương Sơn (Thôn Bắc Sơn; Thôn Lương Bắc); Xã Hải Ninh (Thôn Cà Giây); Xã Sông Luỹ (Thôn Kinh); Xã Phan Sơn; Xã Phan Lâm; Xã Hoà Thắng (Thôn Hồng Thắng); Xã Bình An (Thôn An Lạc; Thôn An Hoà).
		Tánh Linh	Xã Măng Tố; Xã Đức Thuận; Xã Đức Bình; Xã Bắc Ruộng; Xã Đồng Kho; Xã La Ngâu; Xã Suối Kiết (Thôn Dân Tộc); Xã Măng Tố (3 Thôn Dân Tộc); Xã Đức Thuận (3Thôn Đồng Me); Xã Đức Bình (Thôn Dân Tộc); Xã Đức Phú (Thôn Dân Tộc Tà Bứa); Xã Lạc Tánh (Thôn Dân tộc).
		Hàm Thuận Bắc	Xã Thuận Minh; Xã La Dạ; Xã Đông Giang; Xã Đông Tiến; Xã Hàm Trí (Hợp tác xã 3); Xã Thuận Hoà (TĐSX km 29.34); Xã Hàm Phú (Thôn 3; TĐSX Phú Sơn); Xã Hành Chính (Thôn Ninh Thuận; Thôn 6); Xã Hàm Liêm (Thôn 2); Xã Hồng Liêm (Thôn 2); Xã Đa Mi.
		Hàm Thuận	Xã Mỹ Thạnh; Xã Hàm Cần; Xã Hàm Thạnh (Thôn

		Nam	Dân Thuận).
5.	**CAO BẰNG**	**Bảo Lâm**	Xã Thạch Lâm; Xã Nam Cao; Xã Thái Sơn.
		Bảo Lạc	Xã Bảo Toàn; Xã Lý Bôn; Xã Mông Ân; Xã Hồng Trị; Xã Hưng Đạo; Xã Vĩnh Quang; Xã Nam Quang; Xã Tân Việt; Xã Phan Thanh; Xã Khánh Xuân; Xã Xuân Trường; Xã Huy Giáp; Xã Đình Phùng; Xã Sơn Lộ; Xã Vĩnh Phong; Xã Hồng An; Xã Cô Ba; Xã Thương Hà; Xã Cốc Păng; Xã Đức Hạnh; Xã Quảng Lâm; Xã Yên Thổ; Xã Thái Học.
		Hạ Lang	Xã Thanh Nhật; Xã Đồng Loan; Xã Vĩnh Quý; Xã An Lạc; Xã Minh Long; Xã Lý Quốc; Xã Thắng Lợi; Xã Đức Quang; Xã Quang Long; Xã Kim Loan; Xã Việt Chu; Xã Thái Đức; Xã Thị Hoa; Xã Cô Ngân.
		Thông Nông	Xã Lương Thông; Xã Lương Can; Xã Đa Thông; Xã Vị Quang; Xã Cần Yên; Xã Ngọc Động; Xã Yên Sơn; Xã Thanh Long; Xã Bình Lăng.
		Nguyên Bình	Xã Minh Thanh; Xã Minh Tâm; Xã Bắc Hợp; Xã Lang Môn; Xã Thể Dục; Xã Tam Kim; Xã Triệu Nguyên; Xã Ca Thành; Xã Yên Lạc; Xã Phan Thanh; Xã Mai Long; Xã Vũ Nông; Xã Thành Công; Xã Quang Thành; Xã Hưng Đạo; Xã Hoa Thám; Xã Thịnh Vượng; Xã Thái Học.
		Hà Quảng	Xã Xuân Hoà; Xã Phú Ngọc; Xã Đào Ngạn; Xã Sóc Hà; Xã Nà Xác; Xã Trường Hà; Xã Quý Quân; Xã Kéo Yên; Xã Lũng Nặm; Xã Vân An; Xã Cải Viên; Xã Thương Thôn; Xã Nội Thôn; Xã Hạ Thôn; Xã Tổng Cọt; Xã Hồng Sĩ; Xã Sĩ Hải; Xã Mã Ba; Xã Vần Dính.
		Trà Lĩnh	Xã Hùng Quốc; Xã Cao Chương; Xã Quang Hán; Xã Quốc Toản; Xã Quang Trung; Xã Xuân Nội; Xã Tri Phương; Xã Cô Mười; Xã Lưu Ngọc; Xã Quang Vinh
		Trùng Khánh	Xã Thông Huề; Xã Bình Minh; Xã Phong Châu; Xã Chi Viễn; Xã Cảnh Tiên; Xã Trung Phúc; Xã Khâm Thành; Xã Đức Hồng; Xã Đầm Thuỷ; Xã Đoài Côn; Xã Phong Nặm; Xã Ngọc Khê; Xã Ngọc Chung; Xã Làng Hiếu; Xã Thân Giáp; Xã Đình Phong; Xã Lăng Yên; Xã Cao Thắng.
		Quảng Hoà	Xã Tà Lùng; Xã Quốc Phong; Xã Độc Lập; Xã Phúc

			Sen; Xã Chí Thảo; Xã Hồng Đại; Xã Hồng Định; Xã Phi Hải; Xã Quốc Dân; Xã Tự Do; Xã Ngọc Động; Xã Quảng Hưng; Xã Bình Lăng; Xã Cai Bộ; Xã Hoàng Hải; Xã Hạnh Phúc; Xã Đài Khôn; Xã Cách Linh; Xã Mỹ Hưng; Xã Triệu ầu; Xã Hồng Quang; Xã Đại Sơn; Xã Lương Thiện; Xã Tiên Thành.
		Thạch An	Xã Lê Lai; Xã Thượng Pha; Xã Lê Lợi; Xã Thụy Hùng; Xã Vân Trình; Xã Kim Đồng; Xã Thái Cường; Xã Đức Xuân; Xã Danh Sỹ; Xã Đức Long; Xã Thị Ngân; Xã Trọng Con; Xã Đức Thông; Xã Canh Tân; Xã Minh Khai; Xã Quang Trọng.
		Hoà An	Xã Nam Tuấn; Xã Đức Long; Xã Nguyễn Huệ; Xã Đại Tiến; Xã Chu Trinh; Xã Dân Chủ; Xã Quang Trung; Xã Hồng Nam; Xã Lê Chung; Xã Ngũ Lão; Xã Trương Lương; Xã Công Trường; Xã Đức Xuân; Xã Bạch Đằng; Xã Bình Dương; Xã Hà Trì; Xã Trưng Vương.
6.	**ĐẮK LẮK**	**M'Đrak**	Xã Cư Mta; Xã Krông Jin; Xã Krông á; Xã Cư KRoắ; Xã Ea Pil; Xã Ea Riêng; Xã Ea H'Mlây; Xã Ea M'Đoal; Xã Ea Lai; Xã Ea Trang; Xã Cư Prao; Xã Krông Jing (Buôn Tai; Buôn Ea Lai; Buôn MGăm; Buôn M'Trưng; Buôn Ea Tiu; Buôn M'Um; Buôn Nhang; Buôn M'Lai; Buôn Choach; Buôn GLăn).
		Lak	Xã Buôn Triết; Xã Yang Tao; Xã Đăk Liêng; Xã Buôn Tría; Xã Bông Krang; Xã Krông Nô; Xã Dak Nuê; Xã Dak Phơi.
		Buôn Đôn	Xã Ea Wer; Xã Ea Huar; Xã Cuôr Knia; Xã Ea Nuôi; Xã Ea Bar; Xã Krông Na; Xã Tân Hòa.
		Ea Súp	Xã Ea Súp; Xã Ea Bung; Xã Ea Lê; Xã Ya Tờ Mốt; Xã Ea Rốk; Xã Cư K Bang; Xã Ia Lốp; Xã Ia jLơi; Xã Cư M Lan; Xã Ia Rvê.
		Ea H'Leo	Xã Ea Khal; Xã Dliê Yang; Xã Ea Wy; Xã Ea H'Leo; Xã Cư Amang; Xã Ea Nam; Xã Ea Ral; Xã Cư Mốt; Xã Ea Sol; Xã Ea Hiao.
		Ea Kar	Xã Cư Huê; Xã Ea KMút; Xã Xuân Phú; Xã Cư Ni; Xã Ea Đar; Xã Ea Ô; Xã Ea Păn; Xã Ea Tih; Xã Cư Jiang; Xã Ea Sô; Xã Cư Yang (Buôn Trưng); Xã Cư Bông; Xã Cư Prông; Xã Cư Yang; Xã Cư Êlang.

		Krông Pắc	Xã Ea Phê; Xã Ea Quăng; Xã Ea Yông; Xã Ea Knếch; Xã Ea Kênh; Xã Hoà Đông; Xã Tân Tiến; Xã Hoà Tiến; Xã Hoà An; Xã Krông Búk; Xã Ea Hiu; Xã Ea Uy; Xã Vụ Bổn; Xã Ea Kly; Xã Ea Yiêng.
		Krông Buk	Xã Bình Thuận; Xã Pơng Drang; Xã Ea Drông; Xã Thống Nhất; Xã Đoàn Kết; Xã Cư Pơng; Xã Cư Bao; Xã Ea Blang; Xã Cư Né; Xã Ea Siên; Xã Ea Đê; Xã Chư K Bô; Xã Ea Ngai.
		Krông Năng	Xã Ea Hồ; Xã Ea Toh; Xã Krông Năng; Xã Tam Giang; Xã Ea Tam; Xã Phú Xuân; Xã Phú Lộc; Xã DLie Ya; Xã Cư KLông; Xã Ea Tân; Xã Ea Puk; Xã Ea Dăn.
		Krông Bông	Xã Khuê Ngọc Điền; Xã Ea Trul; Xã Hoà Sơn; Xã Hoà Phong; Xã Hoà Lễ; Xã Hoà Tân; Xã Hoà Thành; Xã Cư Kty; Xã Dang Cang; Xã Yang Mao; Xã Cư DRăm; Xã Cư Pui; Xã Yang Reh.
		Krông Ana	Xã Ea Bông; Xã Ea Tiêu; Xã Ea Ktur; Xã Hoà Hiệp; Xã Ea Phôk; Xã Ea Ana; Xã Cư Ewi; Xã Quảng Điền; Xã Bình Hoà; Xã Ea Hu; Xã Dur Kmai; Xã Dray Sap; Xã Dray Bhăng; Xã Băng A Drênh.
		Krông Nô	Xã Nam Đà; Xã Quảng Phú; Xã Dăk Năng; Xã Dăk Rồ; Xã Dăk Mâm; Xã Đức Xuyên; Xã Dăk Sôr; Xã Buôn Choah; Xã Ea Rbin; Xã Nam Ka; Xã Nam Nung.
		Dăk Nông	Xã Quảng Thành; Xã Dak Nia; Xã Trường Xuân; Xã Dắk Rung; Xã Quảng Sơn; Xã Đắk Plao; Xã Dak R Măng; Xã Dak Hà; Xã Quảng Khê.
		Dak RLấp	Xã Kiến Đức; Xã Đạo Nhĩa; Xã Quảng Tín; Xã Quảng Tân; Xã Nhơn Cơ; Xã Dăk Sin; Xã Quảng Trực; Xã Dăk Rtih; Xã Dăk Bukso.
		Dak Mil	Xã Đăk Sắc; Xã Đức Minh; Xã Đức Mạnh; Xã Thuận An; Xã Dăk Môl; Xã Đăk Lao; Xã Thuân Hạnh; Xã Đăk Găn.
		Cư Jút	Xã Tâm Thắng; Xã Hoà Phú; Xã Hoà Khánh; Xã Hoà Xuân; Xã Trúc Sơn; Xã Nam Dong; Xã Ea Pô; Xã Dak Drông.
		Cư M'gar	Xã Quảng Phú; Xã Cuôr Đăng; Xã Cư Suê; Xã Cư M'Gar; Xã Ea Hding; Xã Ea DRơng; Xã Ea Kiết; Xã

			Cư DLiê MNông; Xã Ea Kpam; Xã Ea Mnang; Xã Ea M'Droh; Xã Ea Tul; Xã Ea Tar; Xã Quảng Hiệp; Xã Quảng Tiến; Xã Ea Kuêh.
7.	**ĐĂK NÔNG**	**Krông Nô**	Xã Nậm N'Dir; Buôn Choah; Xã Đắk Sổ; Xã Đăk Drô; Xã Tân Thành.
		Cư Jút	Xã Đắk Wil; Xã Cư K'nia.
		Đắk Mil	Xã Đắk Rla; Xã Đăk N'Drót.
		Đắk Rlấp	Xã Đắk Ru; Xã Nhân Đạo; Xã Kiến Thành; Xã Đắk Buk So; Xã Đăk Wer.
		Đắk Nông	Xã Đắk Som.
		Đăk Song	Xã Nậm N'lang; Xã Nậm N'Drung; Xã Đăk Song.
8.	**ĐIỆN BIÊN**	**Mường Chà**	Xã Na Sang; Xã Sa Lông; Xã Ma Thì Hồ; Xã Phìn Hồ; Xã Nậm Khăn
		Điện Biên	Xã Nà Nhận.
		Điện Biên Đông	Xã Phú Hồng; Xã Noong U; Xã Tìa Dình.
		Tuần Giáo	Xã Nậm Lịch; Xã Ngối Cáy; Xã Xuân Lao.
		Mường Ảng	Xã Mường Ảng
		Mường Nhé	Xã Nà Khoa; Xã Nà Bủng; Xã Pa Tân; Xã Quảng Lâm; Xã Nởm Kè.
9.	**GIA LAI**	**An Khê**	Xã Hà Tam; Xã Phú An; Xã Song An; Xã Tú An; Xã Cửu An; Xã Thành An; Xã Cư An; Xã Tân An; Xã An Thành; Xã Yang Bắc; Xã Ia Hội.
		Ayun Pa	Xã Ia Pia; Xã Ia Sol; Xã Ia Hiao; Xã Chư Athai; Xã Ia Mâ Rơn; Xã Ia Trốc; Xã Yen; Xã Ia Rtô; Xã Chư Mố; Xã Ia R Bol; Xã Pờ Tó; Xã Ia Tun; Xã Chư Răng; Xã Ia Sao; Xã Ia Ke; Xã Ia Peng.
		Chư Sê	Xã Ia Blang; Xã Ia H'rú; Xã Nhơn Hoà; Xã Iale; Xã Ia Tiêm; Xã Bờ Ngoong; Xã Al Bá; Xã Ia Glai; Xã Ia H'lốp; Xã Yun; Xã Ayun; Xã H'Bông; Xã Ia Ko; Xã Ia Phang; Xã Ia Dreng; Xã Chư Pơng; Xã Bar Maih; Xã Ia BLứ; Xã Ia Hla.
		Chư Prông	Xã Bình Giáo; Xã Thăng Hưng; Xã Ia Phìn; Xã Ia Băng; Xã Ia Boòng; Xã Ia Pia; Xã Ia Tốc; Xã Ia Me; Xã Ia Vê; Xã Ia Puk; Xã Ia O; Xã Ia Mơ; Xã Ia Lâu;

			Xã Bầu Cạn; Xã Ia Drang; Xã Ia Ga; Xã Ia Pior; Xã Ya Kly; Xã Ia Bang .
		Chư Păh	Xã Ia Der; Xã Nghĩa Hoà; Xã Hoà Phú; Xã Ia Khươi; Xã Ia Phí; Xã Ia Mơ Nông; Xã Ia Sao; Xã Ia H'rung; Xã Ia Ka; Xã Ia Kênh; Xã Ia Grai; Xã Ia Pếch; Xã Ia O; Xã Ia Krai; Xã Ia Chia; Xã Tân Sơn; Xã Đăk Tơ Ver; Xã Chư Đang Ya; Xã Nghĩa Hưng; Xã Ialy; Xã Ia Nhin.
		Đức Cơ	Xã Ia Kriêng; Xã Ia Kla; Xã Ia Din; Xã Ia Dom; Xã Ia Nan; Xã Ia Pnon; Xã Ia Đơk; Xã Ia Krêl; Xã Ia Lang.
		K'Bang	Xã Sơn Lang; Xã Nghĩa An; Xã Tờ Tung; Xã Đăk H'lơ; Xã Kon Pờ Ne; Xã Đăk Roong; Xã Sơ Pai; Xã Kroong; Xã Lơ Ku; Xã Đông; Xã Kon Bla; Xã Kon Lơng Khơng; Xã Dăk Smar.
		Kon Ch'ro	Xã Yang Trung; Xã Ya Ma; Xã Chơ Yang; Xã Kon Yang; Xã Đăk Tờ Pang; Xã Yang Nam; Xã Sơ Ró; Xã Ch'rei; Xã Đăk Sông; Xã An Trung; Xã Đăk Pling; Xã Đăk Pơ Pho; Xã Đăk Kơning.
		Krông Pa	Xã Phú Cần; Xã Chư Gu; Xã Chư Ngọc; Xã Ia Xiơm; Xã Chư Kăm; Xã Đăk Bằng; Xã A Mlá; Xã KRông Năng; Xã Ia Rmoe; Xã Ia DRé; Xã Ia Rsai; Xã Chư DRăng; Xã Ua.
		Ia Pa	Xã Ia Kdăm; Xã Ia Boài; Xã Kim Tâm.
		Ia Grai	Xã Ia Grăng; Xã Ia Khai; Xã Ia Bă; Xã Ia Yok.
		Đăk Pơ	Xã Đăk Pơ.
		Đăk Đoa	Xã Đăk Rong; Xã Hnol.
		Phú Thiện	Xã Chrôh PơNan; Xã Ayun Hạ.
		Mang Yang	Xã H'neng; Xã Tân Bình; Xã Kon Dờng; Xã Ia Băng; Xã Ia Pết; Xã Glar; Xã Nam Yang; Xã Ayun; Xã Kdang; Xã Hà Ra; Xã A Dơk; Xã Hà Bầu; Xã Hải Yang; Xã Hà Tây; Xã Hà Đông; Xã Đăk Đoa; Xã Kon Gang; Xã Trang; Xã Lơ Pang; Xã Kon Thuọp; Xã Kon Chiêng; Xã Đăk Trôi; Xã Đê Ar; Xã Đăk Jơ Ta; Xã Đăk Ta Ley; Xã Đăk Djrăng.
10.	**HÀ GIANG**	**Mèo Vạc**	Xã Mèo Vạc; Xã Pả Vi; Xã Giàng Chu Phìn; Xã Xín Cái; Xã Sơn Vĩ; Xã Pái Lủng; Xã Thượng Phùng; Xã

			Sủng Trá; Xã Súng Máng; Xã Lũng Chinh; Xã Cán Chu Chìn; Xã Lũng Pú; Xã Khấu Vai; Xã Niêm Sơn; Xã Nậm Ban; Xã Tát Ngà.
		Đồng Văn	Xã Đồng Văn; Xã Phố Bảng; Xã Ma Lé; Xã Lũng Cú; Xã Lũng Táo; Xã Xà Phìn; Xã Thái Phìn Tủng; Xã Sủng Là; Xã Phố Là; Xã Phố Cáo; Xã Lũng Thầu; Xã Vần Chải; Xã Sủng Trái; Xã Sảng Tủng; Xã Hồ Quáng Phìn; Xã Lũng Phìn; Xã Sính Lủng; Xã Tả Phìn; Xã Tả Lủng.
		Yên Minh	Xã Yên Ninh; Xã Mậu Duệ; Xã Bạch Đích; Xã Sủng Thái; Xã Phú Lũng; Xã Thắng Mố; Xã Sủng Tráng; Xã Na Khê; Xã Lao Và Chải; Xã Ngam La; Xã Ngọc Long; Xã Mậu Long; Xã Đường Thượng; Xã Du Già; Xã Du Tiến; Xã Lũng Hồ.
		Quản Bạ	Xã Quản Bạ; Xã Quyết Tiến; Xã Đông Hà; Xã Thanh Vân; Xã Nghĩa Thuận; Xã Tả Ván; Xã Lùng Tám; Xã Bát Đại Sơn; Xã Cán Tỷ; Xã Cao Mã Pờ; Xã Tùng Vài; Xã Thái An.
		Hoàng Su Phì	Xã Nậm Dịch; Xã Vinh Quang; Xã Phố Lô; Xã Đản Ván; Xã Tân Tiến; Xã Ngàm Đăng Vài; Xã Sán Xà Hồ; Xã Pờ Ly Ngài; Xã Nậm Ty; Xã Thông Nguyên; Xã Xuân Minh; Xã Hồ Thầu; Xã Tụ Nhân; Xã Chiến Phố; Xã Nậm Khoà; Xã Tiên Nguyên; Xã Bản Máy; Xã Thàng Tín; Xã Thèn Chu Phìn; Xã Túng Sán; Xã Bản Nhùng; Xã Tả Sử Choóng; Xã Bản Béo; Xã Bản Luốc.
		Xín Mần	Xã Nà Chì; Xã Khuôn Lùng; Xã Tân Nam; Xã Bản Díu; Xã Thèn Phàng; Xã Cốc Rế; Xã Tả Nhìu; Xã Cốc Pài; Xã Bản Ngò; Xã Nấm Dẩn; Xã Chế Là; Xã Quảng Nguyên; Xã Xín Mần; Xã Chí Cà; Xã Pà Vầy Sử; Xã Nàn Xỉn; Xã Nàn Ma; Xã Ngán Chiêm; Xã Trung Thịnh; Xã Thu Tà.
		Bắc Mê	Xã Minh Ngọc; Xã Yên Phú. Xã Lạc Nông; Xã Yên Phong; Xã Phú Nam; Xã Minh Sơn; Xã Giáp Trung; Xã Yên Cường; Xã Đường Hồng; Xã Đường Âm; Xã Phiêng Luông; Xã Thượng Tân.
		Vị Xuyên	Xã Việt Lâm; Xã Trung Thành; Xã Đạo Đức; Xã Phong Quang; Xã Ngọc Linh.

		Bắc Quang	Xã Bản Ria ; Xã Nà Khương; Xã Tân Lập; Xã Đức Xuân; Xã Thượng Bình; Xã Yên Bình (Bản Đồng Tiến; Bản Yên; Bản Nà Ria; Bản Hạ Sơn; Bản Pà Vày Sủ); Xã Hữu Sản (Bản Thượng Nguồn; Bản Trung Sơn; Bản Khuổi Luồn); Xã Đồng Tâm (Thôn Cuôn; Thôn Pha); Xã Bằng Hành (Bản Thương Bình; Bản Bình Sơn).
11.	**HÀ TĨNH**	**Hương Khê**	Xã Phú Gia; Xã Hoà Hải; Xã Vũ Quang; Xã Hương Lâm; Xã Hương Vinh (Bản Giàng); Xã Hương Trạch (Bản Lòi Sim).
12.	**HÒA BÌNH**	**Mai Châu**	Xã Chiềng Châu; Xã Piềng Vế; Xã Bao La; Xã Xăm Khoè; Xã Mai Hịch; Xã Vạn Mai; Xã Mai Hạ; Xã Nà Phòn; Xã Nà Mèo; Xã Tòng Đậu; Xã Đồng Bảng; Xã Trung Khe; Xã Noong Luông; Xã Pù Bin; Xã Cun Pheo; Xã Tân Mai; Xã Phúc Sạn; Xã Pà Cò; Xã Hang Kia; Xã Ba Khan; Xã Tân Sơn.
		Đà Bắc	Xã Tu Lý; Xã Hào Lý; Xã Toàn Sơn; Xã Mường Chiềng; Xã Đồng Nghê; Xã Suối Nánh; Xã Đồng Chum; Xã Đoàn Kết; Xã Trung Thành; Xã Giáp Đắt; Xã Yên Hoà; Xã Tân Dân; Xã Tân Pheo; Xã Tân Minh; Xã Hiền Lương; Xã Đồng Ruộng; Xã Tiền Phong; Xã Cao Sơn; Xã Vây Nưa; Xã Mường Tuổng.
		Tân Lạc	Xã Phú Cường; Xã Phú Vinh; Xã Trung Hòa; Xã Bắc Sơn; Xã Nam Sơn; Xã Lũng Vân; Xã Ngổ Luông; Xã Quyết Chiến; Xã Ngòi Hoa; Xã Đông Lai (Bản Chếch; Bản Muôn); Xã Ngọc Mỹ (Bản Cóc); Xã Do Nhân (Bản Thung; Bản Vòng); Xã Mỹ Hoà (Bản Thung Tiện); Xã Tử Nê (Xóm Các); Xã Qui Hậu (Bản Dom; Bản Bạy).
		Lạc Sơn	Xã Bình Cảng; Xã Bình Chân; Xã Yên Nghiệp; Xã Đa Phúc; Xã Bình Hẻm; Xã Miền Đồi; Xã Ngọc Lâu; Xã Ngọc Sơn; Xã Tự Do; Xã Văn Nghĩa (Bản Sào; Bản Kén; Bản Đồi; Bản Pheo); Xã Quí Hoà (Bản Thung; Bản Doi; Bản Vẹ; Bản Cư); Xã Thân Đao (Bản Đanh; Bản Đào; Bản Khe Quàn); Xã Mỹ Thành (Bản Bây; Bản Bùi; Bản Đồi); Xã Nhân Nghĩa (Xóm Tần Chuộn); Xã Văn Sơn (Bản Ráy); Xã Tân Lập (Bản Đắc; Bản Đồi); Xã Phú Lương (Bản Cò Kênh; Bản Khải); Xã Ân Nghĩa (Bản Bãi; Bản Chẹ); Xã Tân Mỹ (Bản Bu; Bản Lót; Bản Chòi).

		Kim Bôi	Xã Thượng Tiến; Xã Nuông Dăm; Xã Tân Thành; Xã Hà Bì (Bản Nì; Bản Bơ Bờ; Bản Khoai; Bản Khi Ngheo; Bản Đầm; Bản Sáng); Xã Long Sơn (Bản Suối Cái; Bản Yên Lịch); Xã Thanh Nông (Bản Lộng; Bản Đệt; Bản Bu Bường); Xã Nam Thượng (Bản Nước Ruộng); Xã Sào Báy (Bản Đông Chờ; Bản Khai Đồi); Xã Kim Bôi (Bản Suối Con); Xã Vĩnh Tiến (Bản Suối Rèo); Xã Tú Sơn (Bản Thung Rếch; Bản Đô Lái; Bản Nà Nang); Xã Hợp Thanh (Bản Thăng; Bản Gạo; Bản Nà Nang); Xã Đông Bắc (Bản Chang; Bản Đầm; Bản Định); Xã Hợp Đồng (Bản Đài; Bản Sim Trong; Bản Đồi; Bản Trạo; Bản Ký; Bản Sằn); Xã Sơn Thuỷ (Bản Đồng Lốc); Xã Cao Dương (Bản Quèn Thị; Bản Quèn Chùa; Bản Trài; Bản Đồng Mô); Xã My Hoà (Bản Cành; Bản Bờ Giang; Bản Mí Đông; Bản Mư); Xã Bắc Sơn (Bản Đăng Long; Bản Khả); Xã Bình Sơn (Bản Hang Lờm; Bản Cuôi); Xã Kim Truy (Bản Dứng; Bản Trại ổi; Bản Cóc); Xã Kim TIến (Bản Vó Sang); Xã Kim Sơn (Xóm Lợi); Xã Nật Sơn (Bản Bà Rà; Bản Mát); Xã Hùng Tiến (Bản Chỉ Ngoài; Bản Suối Kho; Bản Ba Bi).
		Kỳ Sơn	Xã Yên Thượng; Xã Yên Lập; Xã Thung Nai; Xã Độc Lập; Xã Nam Phong (Bản Đúc; Bản Ong); Xã Tây Phong (Bản Chao; Bản Nà Kha); Xã Bắc Phong (Bản Tiến Lâm; Bản Dệ; Bản Moi); Xã Xuân Phong (Bản Mừng; Bản Cạn); Xã Bình Thanh (Bản Cáp); Xã Dân Hạ (Bản Rối; Bản Bình Tiến); Xã Phú Minh (Bản Vật Lai).
13.	**KHÁNH HOÀ**	**Khánh Vĩnh**	Xã Khánh Bình; Xã Khánh Nam; Xã Khánh Thượng; Xã Khánh Phú; Xã Khánh Thành; Xã Khánh Hiệp; Xã Liên Sang; Xã Giang Ly; Xã Sơn Thái; Xã Cầu Bà.
		Khánh Sơn	Xã Sơn Trung; Xã Thành Sơn; Xã Sơn Lâm; Xã Sơn Bình; Xã Sơn Hiệp; Xã Ba Cụm Nam.
		Cam Ranh	Xã Sơn Tân.
		Diên Khánh	Xã Suối Tiên.
		Vạn Ninh	Xã Vạn Phúc; Xã Vạn Lương; Xã Vạn Khánh; Xã Vạn Bình.

14.	**KON TUM**	**Đăk Glei**	Xã Đăkpét; Xã Đăk Roong; Xã Đăk Môn; Xã Ngọc Linh; Xã Mường Hoong; Xã Đăk Choong; Xã Đăkblô; Xã Đăk Long; Xã Đăk Nhoong; Xã Đăk Man; Xã Xốp.
		Đăk Tô	Xã Đăk Tờ Kan; Xã Văn Lem; Xã Ngọc Tụ; Xã Kon Đào; Xã Pô Kô; Xã Tân Cảnh; Xã Diên Bình; Xã Đăk Na; Xã Đăk Sao; Xã Đăk Hà; Xã Măng Xăng; Xã Ngọc Yêu; Xã Ngọc Lây; Xã Tu Mơ Rông; Xã Măng Ri; Xã Tê Xăng; Xã Văn Xuôi.
		Kon Plong	Xã Tân Lập; Xã Đăk Ruồng; Xã Đăktờ Re; Xã Đăkpne; Xã Măng Cành; Xã Đăkring; Xã Măng Bút; Xã Đăk Kôi; Xã Ngọc Tem; Xã Hiếu; Xã Pờ Ê; Xã Đắk Nên; Xã Đắk Long; Xã Đắk Tăng.
		Sa Thầy	Xã Sa Sơn; Xã Sa Bình; Xã Sa Nhơn; Xã Sa Nghĩa; Xã Mo Ray; Xã Rờ Kơi; Xã Yaly; Xã Yia Sia; Xã Yatăng.
		Ngọc Hồi	Xã Dục Nông; Xã Đăk Sú; Xã Bờ Y; Xã Sa Loong; Xã Đăk Dục; Xã Đăk Ang; Xã Đắk Kan; Xã Đắk Nông; Xã Đắk Dục.
		Kon Rẫy	Xã Đắk Tơ Lung.
		Đăk Hà	Xã Ngọc Wang; Xã Đăkhring; Xã Đăk Uy; Xã Ngọc Réo; Xã Hà Mòn; Xã Đăk La; Xã Đăk Pxi.
15.	**LAI CHÂU**	**Mường Tè**	Xã Mường Mô; Xã Pa Vệ Sử; Xã Pa Ư (Pa Ủ - ?); Xã Bum Tở; Xã Nậm Khao; Xã Hua Bum; Xã Can Hồ; Xã Bum Nưa; Xã Thu Lũm; Xã Ca Lăng (Ka Lăng - ?); Xã Mù Cả; Xã Mường Tè; Xã Nậm Mạnh (Nậm Manh - ?); Xã Mường Toong; Xã Mường Nhé; Xã Chung Chải; Xã Sín Thầu.
		Sìn Hồ	Xã Pa Tần; Xã Hởi Luông; Xã Nậm Ban; Xã Phìn Hồ; Xã Hồng Thu; Xã Phăng Xô Lin; Xã Tả Phìn; Xã Xà Dề Phìn; Xã Tả Ngảo; Xã Làng Mô; Xã Tủa Sín Chải; Xã Pu Sam Cáp; Xã Ma Quai; Xã Nậm Tăm; Xã Noong Hẻo; Xã Nậm Mạ; Xã Căn Co; Xã Nậm Cha; Xã Nậm Cuổi; Xã Nậm Hăn.
		Điện Biên Đông	Xã Mường Luân; Xã Chiềng Sơ; Xã Sa Dung; Xã Luân Giới; Xã Keo Lôm; Xã Phì Nhừ; Xã Pu Nhi; Xã Na Son; Xã Háng Lìa; Xã Phìn Giàng.
		Tủa Chùa	Xã Trung Thu; Xã Mường Báng; Xã Mường Đun; Xã

			Sính Phình; Xã Sáng Nhè; Xã Tả Sìn Thàng; Xã Lao Sả Phình; Xã Tủa Thàng; Xã Tả Phình; Xã Sín Chải; Xã Huổi Só.
		Mường Lay	Xã Lay Nưa; Xã Mường Tùng; Xã Chăn Nưa; Xã Nậm Hàng; Xã Chà Nưa; Xã Huổng Lèng (Bản Huổi Toóng; Bản Xa Lông; Bản Háng Lìa; Bản Phu La); Xã Hừa Ngài; Xã Hồi Lèng; Xã Sa Tổng; Xã Pú Đao; Xã Chà Cang; Xã Chà Tở; Xã Pa Ham.
		Phong Thổ	Xã Bình Lư; Xã Khổng Lào; Xã Mường Xo; Xã Thèn Xin; Xã Tam Đường; Xã Nậm Loong; Xã Nà Tăm; Xã Bản Bo; Xã Sìn Lờ Lầu; Xã Ma Ly Chải; Xã Mồ Sìn San; Xã Pa Vây Sử; Xã Vàng Ma Chải; Xã Đào San; Xã Tông Qua Lìn; Xã Nũ Sang; Xã Ma Ly Pho; Xã Hoang Thèn; Xã Sin Suối Hồ; Xã Lả Nhị Thàng; Xã Sùng Phài; Xã Nùng Nàng; Xã Tả Lèng; Xã Hồ Thầu; Xã Khuân Há; Xã Bản Lang; Xã Nậm Xe; Xã Bản Giang; Xã Bản Hon.
		Tuần Giáo	Xã ẳng Cang; Xã ẳng Nưa; Xã Phú Nhung; Xã Mường Mùn; Xã Quài Tở; Xã Mường Lạn; Xã Mường Đăng; Xã Mùn Chung; Xã Búng Lao; Xã Chiềng Sinh; Xã Quài Nưa; Xã Quài Cang; Xã ẳng Tơ; Xã Toả Tình; Xã Tênh Phông; Xã Phình Sáng; Xã Nà Sáy; Xã Mường Thín; Xã Ta Ma.
		Điện Biên Phủ	Xã Thanh Nưa; Xã Thanh Luông; Xã Thanh Chăn; Xã Thanh Yên; Xã Noong Luống; Xã Thanh An; Xã Sam Mấn; Xã Noong Hẹt; Xã Thanh Hưng; Xã Thanh Xương; Xã Mường Phăng; Xã Nà Tấu; Xã Nà Ư; Xã Mường Pồn; Xã Núa Ngam; Xã Mường Nhà; Xã Pa Thơm; Xã Mường Mươn; Xã Mường Lói; Xã Mường Mơn (Bản Na Pheo I; Bản Na Pheo II; Bản Mường Mơn).
		Tam Đường	Xã Sơn Bình; Xã Giang Ma .
		Than Uyên	Xã Trung Đồng; Xã Hua Nà; Xã Tà Mung; Xã Phúc Than; Xã Phúc Khoa
16.	**LÂM ĐỒNG**	**Lạc Dương**	Xã Lát; Xã Đạ Tông; Xã Đầm Ròn; Xã Đạ Long; Xã Đạ Sa; Xã Đạ Chair; Xã Đạ Nhim; Xã Đung Knớ; Xã Lát.
		Đơn Dương	Xã Lạc Xuân; Xã Ka Đô; Xã Quảng Lập; Xã Lạc Lâm; Xã Pró; Xã Ka Đơn; Xã Tu Tra; Xã Đạ Ròn;

			Xã Quảng Lập; Xã Ka Đô; Xã Ka Đơn; Xã Pró; Xã Đạ Rôn.
		Đức Trọng	Xã Liên Hiệp; Xã Bình Thạnh; Xã Hiệp Thạnh; Xã Phú Hội; Xã N'Thôn Hạ; Xã Tân Hội; Xã Ninh Gia; Xã Ninh Loan; Xã Tà Năng; Xã Đà Loan; Xã Tà Hine; Xã Hiệp An; Xã Tân Thành; Xã Hiệp An.
		Lâm Hà	Xã Đạ Đờn; Xã Tân Hà; Xã Phú Sơn; Xã Tân Văn; Xã Gia Lâm; Xã Đan Phượng; Xã Phi Tô; Xã Tân Thanh; Xã Đông Thanh; Xã Hoài Đức; Xã Mê Linh; Xã Phúc Thọ; Xã Phi Liêng; Xã Liêng Sron; Xã Rô Men; Xã Liên Hà; Xã Đạ Knàng; Xã Nam Hà; Xã Đạ Rsal.
		Di Linh	Xã Hoà Ninh; Xã Tân Châu; Xã Đinh Lạc; Xã Tam Bố; Xã Gia Hiệp; Xã Gung Ré; Xã Bảo Thuận; Xã Liên Đầm; Xã Đinh Trạng Hoà; Xã Tân Thượng; Xã Hoà Bắc; Xã Hoà Trung; Xã Hoà Nam; Xã Đinh Trang Thượng; Xã Sơn Điền; Xã Gia Bắc; Xã Tân Nghĩa; Xã Tân Nghĩa.
		Bảo Lâm	Xã Lộc An; Xã Lộc Đức; Xã Lộc Ngãi; Xã Lộc Thành; Xã Lộc Tân; Xã Lộc Quảng; Xã Lộc Phú; Xã Lộc Lâm; Xã Lộc Bắc; Xã Lộc Bảo; Xã Lộc Nam; Xã Lộc Quảng; Xã Lộc Phú ; Xã Lộc Bảo ; Xã Tân Lạc; Xã B'Lá; Xã Tân Lạc; Xã Blá.
		Đạ Houai	Xã Hà Lâm; Xã Ma Đa Goui; Xã Đạ Ouai; Xã Đạm Ri; Xã Đa Tồn; Xã Đạ Ploa; Xã Đoàn Kết; Xã Phước Lộc.
		Đam Rông	Xã Dạ Rsal.
17.	**LẠNG SƠN**	**Tràng Định**	Xã Kháng Chiến; Xã Hùng Việt; Xã Quốc Việt; Xã Quốc Khánh; Xã Tri Phương; Xã Trung Thành; Xã Kim Đồng; Xã Tân Tiến; Xã Khánh Long; Xã Tân Yên; Xã Cao Minh; Xã Vĩnh Tiến; Xã Bắc ái; Xã Đoàn Kết; Xã Chí Minh; Xã Tân Minh; Xã Đào Viên; Xã Đội Cấn.
		Văn Lãng	Xã Thành Hoà; Xã Hồng Thái; Xã An Hùng; Xã Hoàng Văn Thụ; Xã Tân Mỹ; Xã Tân Thanh; Xã Hội Hoan; Xã Nhạc Kỹ; Xã Nam La; Xã Trùng Khánh; Xã Thanh Long; Xã Thuỵ Hùng; Xã Bắc La; Xã Tân Tác; Xã Gia Miễn.

		Cao Lộc	Xã Tân Thành; Xã Xuân Long; Xã Hải Yến; Xã Hoà Cư; Xã Xuất Lễ; Xã Công Sơn; Xã Mẫu Sơn; Xã Song Giáp; Xã Lộc Thanh; Xã Cao Lâu; Xã Bảo Lâm; Xã Lộc Yên; Xã Thanh Lòa.
		Lộc Bình	Xã Tú Mịch; Xã Hiệp Hạ; Xã Minh Phát; Xã Xuân Dương; Xã ái Quốc; Xã Mẫu Sơn; Xã Tam Gia; Xã Tĩnh Bắc; Xã Nhượng Bạn; Xã Nam Quan; Xã Đông Quan (Thôn Song Sài; Thôn Nà Lâu); Xã Quan Bản (Thôn Nà Pè); Xã Lợi Bác (Thôn Phai Vài; Thôn Khau Khảo; Thôn Nà Mu; Thôn Nà Nhe; Thôn Khuổi Tà; Thôn Nà Sơm); Xã Sàn Viên (Thôn Cò Cai; Thôn Nà Mò; Thôn Pò Nhàng; Bản Choong; Bản Mèng)
		Chi Lăng	Xã Bắc Thuỷ; Xã Y Tịch; Xã vân Thuỷ; Xã Hoà Bình; Xã Vạn Linh; Xã Bằng Mạc; Xã Gia Lộc; Xã Thượng Cường; Xã Bằng Hữu; Xã Vân An; Xã Chiến Thắng; Xã Liên Sơn; Xã Lâm Sơn; Xã Hữu Kiên; Xã Quan Sơn.
		Hữu Lũng	Xã Hoà Sơn; Xã Yên Thịnh; Xã Yên Sơn; Xã Hoà Bình; Xã Hữu Liên; Xã Yên Bình; Xã Thiện Kỵ; Xã Yên Vượng (Thôn Cây Hồng Mỏ Tối); Xã Hoà Thắng (Thôn Bảo Đài).
		Văn Quan	Xã Khánh Khê; Xã Tú Xuyên; Xã Chu Túc; Xã Tân Đoán; Xã Vân Mộng; Xã Tràng Phái; Xã Lương Năng; Xã Hoà Bình; Xã Tràng Sơn; Xã Đồng Giáp; Xã Song Giang; Xã Tràng Các; Xã Phú Mỹ; Xã Trấn Ninh; Xã Việt Yên; Xã Tri Lễ; Xã Hữu Lễ.
		Bình Gia	Xã Minh Khai; Xã Hồng Thái; Xã Hồng Phong; Xã Tân Văn; Xã Hoa Thám; Xã Mông Ân; Xã Quang Trung; Xã Hưng Đạo; Xã Bình La; Xã Thiện Thuật; Xã Thiện Hoà; Xã Thiện Long; Xã Quí Hoà; Xã Hoà Bình; Xã Vĩnh Yên; Xã Tân Hoà; Xã Yên Lỗ.
		Bắc Sơn	Xã Quỳnh Sơn; Xã Bắc Sơn; Xã Vũ Sơn; Xã Vũ Lăng; Xã Hưng Vũ; Xã Long Đống; Xã Chiến Thắng; Xã Chiêu Vũ; Xã Trấn Yên; Xã Nhất Hoà; Xã Tân Lập; Xã Tân Hương; Xã Tân Tri; Xã Vạn Thuỷ; Xã Vũ Lễ (Thôn Lân Kẽm)
		Đình Lập	Xã Châu Sơn; Xã Bắc Lãng; Xã Lâm Ca; Xã Thái Bình; Xã Đồng Thắng; Xã Bắc Xa; Xã Kiên Mộc; Xã

			Bính Xá; Xã Đình Lập (Thôn Còn Quan; Thôn Pò Khoang; Thôn Còn Súng; Thôn Khe Pùng)
18.	**LÀO CAI**	**Bắc Hà**	Xã Tà Chải; Xã Bảo Nhai; Xã Na Hối; Xã Si Ma Cai; Xã Nàn Sán; Xã Sán Chải; Xã Mản Thẩn; Xã Nàn Sín; Xã Sín Chéng; Xã Thào Chư Phìn; Xã Bản Mế; Xã Quan Thần Sán; Xã Cán Hồ; Xã Cán Cấu; Xã Lùng Sui; Xã Lử Thần; Xã Lùng Cải; Xã Bản Già; Xã Bản Liền; Xã Tả Củ Tỷ; Xã Thải Giàng Phố; Xã Tả Văn Chư; Xã Hoang Thu Phố; Xã Lầu Thí Ngài; Xã Lùng Phìn; Xã Nậm Mòn; Xã Cốc Ly; Xã Bản Cái; Xã Nậm Lục; Xã Cốc Lầu; Xã Nậm Khánh; Xã Nậm Đét; Xã Bản Phố.
		Sa Pa	Xã Thanh Kim; Bản Phùng; Xã Bản Hồ; Xã Thánh Phú; Xã Nậm Cang; Xã Nậm Sài; Xã Suối Thầu; Xã Sa Pả; Xã Rả Van; Xã Hầu Thào; Xã Sử Phản; Xã Trung Chải; Xã Bản Khoang; Xã Tả Giàng Phình; Xã Lao Chải; Xã San Sả Hồ; Xã Tả Phìn.
		Bát Xát	Xã Cốc San; Xã Quang Kim; Xã Mường Vi; Xã Bản Vược; Xã Bản Qua; Xã Phìn Ngan; Xã Nậm Trạc; Xã Tòng Sành; Xã A Mú Sung; Xã A Lù; Xã Pa Cheo Phìn; Xã Nậm Pung; Xã Dền Thàng; Xã Trung Lèng Hồ; Xã Sảng Ma Sáo; Xã Dền Sáng; Xã Ngải Thầu; Xã Ytý; Xã Cốc Mỳ; Xã Trịnh Trường; Xã Bản Xèo; Xã Mường Hum.
		Than Uyên	Xã Mường Than; Xã Nà Cang; Xã Mường Kim; Xã Mường Khoa; Xã Thân Thuộc; Xã Pắc Ta; Xã Nậm Cần; Xã Nậm Sỏ; Xã Tà Hừa; Xã Hố Mít; Xã Mường Mít; Xã Tá Mít; Xã Pha Mu; Xã Khoen On; Xã Tà Gia.
		Mường Khương	Xã Mường Khương; Xã Bản Lầu; Xã Bản Xen; Xã Lùng Vai; Xã Tung Trung Phố; Xã Nám Lư; Xã Thanh Bình; Xã Nậm Chảy; Xã Lùng Khấu Nhin; Xã Pha Long; Xã Dìn Chin; Xã Tải Ngồ Chồ; Xã Tả Ngải Khâu; Xã Cao Sơn; Xã Pán Tần; Xã Tả Thàng.
		Văn Bàn	Xã Văn Sơn; Xã Khánh Yên Hạ; Xã Làng Giàng; Xã Nậm Chày; Xã Nậm Xè; Xã Minh Lương; Xã Thẩm Dương; Xã Dền Thàng; Xã Nậm Xây; Xã Nậm Rạng; Xã Dương Quỳ; Xã Sơn Thuỷ; Xã Tân Thượng; Xã Chiềng Ken; Xã Liêm Phú; Xã Tân An; Xã Nậm Tha; Xã Nậm Mả.

		Bảo Yên	Xã Kim Sơn; Xã Xuân Hoà; Xã Tân Tiến; Xã Nghĩa Đô; Xã Vĩnh Yên; Xã Xuân Thượng; Xã Cam Cọn; Xã Bảo Hà (Bản Khoai 1,2,3; Bản Bông 1,2,3; Bản Chun); Xã Long Khánh (Bản Tát Khôi).
		Bảo Thắng	Xã Bản Phiệt; Xã Bản Cầm; Xã Phú Nhuận; Xã Phong Niên (Làng Có 1,2,3; Thôn Cán Hồ; Thôn Tân Hồ; Thôn Phìn Giàn; Làng Cung); Xã Phố Lu (Thôn Trì Hạ); Xã Sơn Hà (Thôn Khe Mụ; Thôn Trà Trầu); Xã Sơn Hải (Thôn Làng Trưng; Thôn Cố Hải); Xã Xuân Giao (Thôn Làng Chành; Làng Hà); Xã Gia Phú (Thôn Nậm Trà; Bản Can; Thôn Nậm Phảng; Thôn An Thành; Thôn Khe Băng; Thôn Khe Luộc); Xã Xuân Quang (Thôn Nậm Cút; Thôn Cửa Cải; Thôn K4; Thôn Cốc Bục); Xã Tằng Loỏng (Thôn Đầu Chất 1; Thôn Đầu Chất 2; Thôn Mã Ngan).
19.	**NGHỆ AN**	**Kỳ Sơn**	Xã Tà Cạ; Xã Hữu Kiệm; Xã Chiêu Lưu; Xã Hữu Lập; Xã Nậm Cắn; Xã Phà Đánh; Xã Huồi Tụ; Xã Mường Lống; Xã Bắc Lý; Xã Mỹ Lý; Xã Na Loi; Xã Đoọc Mạy; Xã Keng Đu; Xã Bảo Nam; Xã Bảo Thắng; Xã Nậm Càn; Xã Na Ngoi; Xã Mường Típ; Xã Mường ải; Xã Tân Sơn.
		Tương Dương	Xã Thạch Giám; Xã Hoà Bình; Xã Nga My; Xã Nhôm Mai; Xã Mai Sơn; Xã Luân Mai; Xã Tam Hợp; Xã Hữu Dương; Xã Hữu Khuông; Xã Kim Tiến; Xã Tam Quang; Xã Tam Thái; Xã Tam Bình; Xã Xá Lượng; Xã Kim Đa; Xã Yên Tĩnh; Xã Yên Thắng; Xã Yên Hoà; Xã Yên Na; Xã Lượng Minh; Xã Lưu Kiền.
		Con Cuông	Xã Lạng Khê; Xã Châu Khê; Xã Cam Lâm; Xã Bình Chuẩn; Xã Đôn Phục; Xã Mậu Đức; Xã Thạch Ngàn; Xã Lục Dạ; Xã Môn Sơn.
		Quế Phong	Xã Mường Nọc; Xã Châu Kim; Xã Tri Lễ; Xã Nậm Nhoóng; Xã Châu Thôn; Xã Cắm Muội; Xã Quang Pong; Xã Nậm Giải; Xã Hạch Dịch; Xã Đồng Văn; Xã Thông Thụ; Xã Tiền Phong; Xã Quế Sơn.
		Quì Châu	Xã Châu Hoàn; Xã Diên Lãm; Xã Châu Nga; Xã Châu Bính; Xã Châu Phong; Xã Châu Thuận; Xã Châu Thắng; Xã Châu Hội; Xã Châu Bình.
		Nghĩa Đàn	Xã Nghĩa Minh; Xã Nghĩa Mai; Xã Nghĩa Yên; Xã

			Nghĩa Thọ; Xã Nghĩa Lợi; Xã Nghĩa Lạc; Xã Nghĩa Lâm.
		Quì Hợp	Xã Nam Sơn; Xã Bắc Sơn; Xã Châu Lý; Xã Châu Thái; Xã Châu Thành; Xã Châu Hồng; Xã Châu Tiến; Xã Liên Hợp; Xã Châu Lộc; Xã Hạ Sơn.
		Tân Kỳ	Xã Tân Hợp; Xã Đồng Văn; Xã Tiên Kỳ.
		Anh Sơn	Xã Thọ Sơn; Xã Phúc Sơn (Bản Vều ồ ồ).
		Thanh Chương	Xã Hạnh Lâm; Xã Thanh Hương; Xã Thanh Thuỷ; Xã Thanh Hà; Xã Thanh Thịnh; Xã Thanh Đức.
20.	**NINH BÌNH**	**Nho Quan**	Xã Cúc Phương; Xã Kỳ Phú; Xã Phú Long; Xã Yên Quang (Bản Yên Minh; Bản Yên Bình; Bản Yên Phú; Bản Yên Sơn; Bản Yên Thịnh); Xã Quảng Lạc (Bản Đồng Bái; Bản Đồng Trung); Xã Văn Phú (Bản Phú Bình; Bản Đồi 94); Xã Thạch Bình (Bản Đầm Rừng; Bản Đầm Bóng; Bản Bãi Lóng; Bản Quảng Mào); Xã Xích Thổ (Bản Thung Súa); Xã Đức Long (Bản Ngọc Cao).
21.	**NINH THUẬN**	**Ninh Sơn**	Xã Lâm Sơn; Xã Phước Bình; Xã Phước Hoà; Xã Phước Tân; Xã Phước Thành; Xã Phước Đại; Xã Phước Chính; Xã Phước Thắng; Xã Phước Trung; Xã Phước Tiến; Xã Ma Nới.
		Ninh Hải	Xã Vĩnh Hải; Xã Phương Hải; Xã Lợi Hải; Xã Công Hải; Xã Phước Chiến; Xã Phước Kháng.
		Ninh Phước	Xã Phước Diên; Xã Phước Thái; Xã Phước Hà.
22.	**PHÚ THỌ**	**Thanh Sơn**	Xã Xuân Sơn; Xã Đông Sơn; Xã Vĩnh Tiền; Xã Đông Cửu; Xã Thượng Cửu; Xã Yên Sơn (Xóm Hạ Sơn; Xóm Chen; Xóm Chự); Xã Yên Lương (Xóm Bồ Sồ; Xóm Quất; Xóm Náy); Xã Hương Cần (Xóm Đá Cạn); Xã Cự Thắng (Xóm Xuân Thắng); Xã Võ Miếu (Xóm Liên Thành); Xã Văn Miếu (Xóm Thành Công); Xã Thu Cúc (Xóm Mĩ á; Xóm Tân Lập; Xóm Suối Dáy; Xóm Ngả Hai; Xóm Quẽ); Xã Địch Quả (Xóm Quyết Tiến); Xã Thạch Kiệt (Xóm Minh Nga; Xóm Suối Lóng).
		Yên Lập	Xã Nga Hoàng; Xã Trung Sơn.
23.	**PHÚ YÊN**	**Đồng Xuân**	Xã Phú Mỡ.
		Sông Hinh	Xã Ea Bia; Xã Ea Trol; Xã Sông Hinh.

		Sơn Hoà	Xã Sơn Định; Xã Sơn Hội; Xã Cà Lúi; Xã Phước Tân.
24.	**QUẢNG BÌNH**	**Lệ Thuỷ**	Xã Kim Thuỷ; Xã Ngân Thuỷ; Xã Lâm Thủy.
		Bố Trạch	Xã Tân Trạch; Xã Thượng Trạch; Xã Sơn Trạch (Bản Rào Con).
		Quảng Ninh	Xã Trường Sơn; Xã Trường Xuân.
		Quảng Trạch	Xã Quảng Hợp.
		Minh Hoá	Xã Hồng Hoá; Xã Hoá Hợp; Xã Xuân Hoá; Xã Yên Hoá; Xã Hoá Tiến; Xã Hoá Phúc; Xã Hoá Thanh; Xã Hoá Sơn; Xã Tân Hoá; Xã Thượng Hoá; Xã Dân Hoá; Xã Trọng Hóa.
		Tuyên Hoá	Xã Cao Quảng; Xã Ngư Hoá; Xã Lâm Hoá; Xã Hương Hoá; Xã Thanh Hoá; Xã Kim Hoá; Xã Thuận Hoá; Xã Thanh Thạch.
25.	**QUẢNG NAM**	**Hiên**	Xã Ba; Xã Tr' Hy; Xã Sông Kôn; Xã A Ting; Xã Tư; Xã Lăng; Xã A Tiêng; Xã A Vương; Xã Cà Dăng; Xã Ma Coih; Xã Bha Lêê; Xã Za Hung; Xã Tà Lu; Xã A Rooih; Xã Ch' om; Xã Dang; Xã A Xanh.
		Giằng (Nam giang)	Xã Cà Dy; Xã Tà Bhing; Xã Chaval; Xã La De ê; Xã La Ê Ê; Xã Đắc Pring; Xã Dắc Pre; Xã Duôi.
		Phước Sơn	Xã Phước Kim; Xã Phước Thành; Xã Phước Công; Xã Phước Chánh; Xã Phước Hiệp; Xã Phước Năng; Xã Phước Đức; Xã Phước Mỹ.
		Trà My	Xã Trà Giang; Xã Trà Nú; Xã Trà Tân; Xã Trà Kót; Xã Trà Mai; Xã Trà Giáp; Xã Trà Giác; Xã Trà Dơn; Xã Trà Bui; Xã Trà Đốc; Xã Trà Don; Xã Trà Linh; Xã Trà Nam; Xã Trà Cang; Xã Trà Vân; Xã Trà Tập; Xã Trà Leng.
		Hiệp Đức	Xã Phước Gia; Xã Phước Trà.
26.	**QUẢNG NGÃI**	**Minh Long**	Xã Thanh An; Xã Long Mai; Xã Long Hiệp; Xã Long Môn; Xã Long Sơn.
		Ba Tơ	Xã Ba Tơ; Xã Ba Dinh; Xã Ba Chùa; Xã Ba Cung; Xã Ba Đông; Xã Ba Thành; Xã Ba Vì; Xã Ba Nam; Xã Ba Liên; Xã Ba Ngọc; Xã Ba Xa; Xã Ba Điền; Xã Ba Trang; Xã Ba Lế; Xã Ba Bích; Xã Ba Vinh; Xã

			Ba Tiêu; Xã Ba Khâm.
		Trà Bồng	Xã Trà Sơn; Xã Trà Tân; Xã Trà Giang; Xã Trà Thuỷ; Xã Trà Hiệp; Xã Trà Thanh; Xã Trà Khê; Xã Trà Quán; Xã Trà Phong; Xã Trà Thọ; Xã Trà Nam; Xã Trà Bùi; Xã Trà Trung; Xã Trà Xinh; Xã Trà Lâm; Xã Trà Lãnh.
		Sơn Tây	Xã Sơn Tinh; Xã Sơn Tân; Xã Sơn Dung; Xã Sơn Mùa; Xã Sơn Lập; Xã Sơn Bua.
		Sơn Hà	Xã Sơn Nham; Xã Sơn Cao; Xã Sơn Linh; Xã Sơn Thuỷ; Xã Sơn Kỳ; Xã Sơn Ba; Xã Sơn Thương; Xã Sơn Bao; Xã Sơn Trung; Xã Sơn Hải.
27.	**QUẢNG NINH**	**Ba Chẽ**	Xã Nam Sơn; Xã Lương Mông; Xã Minh Cầm; Xã Đạp Thanh; Xã Thanh Lâm; Xã Thanh Sơn; Xã Đồn Đạc.
		Bình Liêu	Xã Tình Húc; Xã Hoành Mô; Xã Vô Ngại; Xã Đồng Tâm; Xã Lục Hồn; Xã Đồng Văn; Xã Hóc Động.
		Tiên Yên	Xã Hà Lâu; Xã Đại Dục; Xã Đại Thành.
		Hoành Bồ	Xã Tân Dân; Xã Đồng Lâm; Xã Hoà Bình; Xã Kỳ Thượng.
		Hải Ninh	Xã Hải Sơn.
		Quảng Hà	Xã Quảng Đức; Xã Quảng Sơn; Xã Quảng Lâm.
28.	**QUẢNG TRỊ**	**Hướng Hóa**	Xã Tân Hợp; Xã Tân Liên; Xã Tân Thành; Xã Hướng Tân; Xã Tân Lập; Xã Thuận; Xã Hướng Lập; Xã Hướng Phùng; Xã Hướng Sơn; Xã Hướng Linh; Xã Thanh; Xã A Xing; Xã A Túc; Xã A Dơi; Xã Ba tầng; Xã Hướng Lộc; Xã Húc; Xã Xi; Xã Tân Long (Bản Xê Núc); Xã Hướng Việt.
		Dak Rông	Xã Mò ó; Xã Dak Rông; Xã Tà Rụt; Xã A Ngo; Xã A Bung; Xã Đông Sơn; Xã Hồng Thuỷ; Xã Triệu Nguyên; Xã Ba Lòng; Xã Ba Nang; Xã Tà Long; Xã Húc Nghì; Xã A Vao; Xã Hải Phúc; Xã Hướng Hiệp (Bản Kreng; Bản Khe Hiên).
29.	**SƠN LA**	**Sông Mã**	Xã Mường Hung; Xã Mường Sai; Xã Mường Lầm; Xã Sốp Cộp; Xã Chiềng Sơ; Xã Yên Hưng; Xã Mường Và; Xã Huổi Một; Xã Mường Lèo; Xã Nậm Mần; Xã Sam Kha; Xã Dồm Cang; Xã Mường Cai; Xã Pú Bẩu; Xã Bó Sinh; Xã Nậm Lạnh; Xã Mường

			Lạn; Xã Chiềng Phung; Xã Púng Bánh; Xã Chiền En; Xã Đứa Mòn; Xã Nậm Tỵ.
		Thuận Châu	Xã Mường é; Xã Chiềng La; Xã Chiềng Pấc; Xã Thôn Mòn; Xã Bon Phặng; Xã Phỏng Lái; Xã Chiềng Pa; Xã Tông Lệnh; Xã Chiềng Sơ; Xã Tòng Cọ; Xã Chiềng Ly; Xã Long Lay; Xã Púng Tra; Xã Chiềng Sinh; Xã Chiềng Bôm; Xã Mường Giằng; Xã Chiềng Khoang; Xã Bản Lầm; Xã Nậm ét; Xã Pá Long; Xã Phỏng Lập; Xã Co Tòng; Xã é Tòng; Xã Mường Bám; Xã Long Hẹ; Xã Co Mạ; Xã Tranh Đấu.
		Bắc Yên	Xã Phiêng Ban; Xã Chim Vàn; Xã Pắc Ngà; Xã Mường Khoa; Xã Tạ Khoa; Xã Hồng Ngái; Xã Phiêng Côn; Xã Tà Xùa; Xã Làng Chiếu; Xã Xím Vàng; Xã Hang Chú.
		Mường La	Xã Mường Bú; Xã Tạ Bú; Xã Mường Trai; Xã Chiềng Lao; Xã Nậm Păm; Xã Mường Chùm; Xã Nậm Dôn; Xã Chiềng ?n; Xã Hua Trai; Xã Ngọc Chiến; Xã Chiềng Công; Xã Chiềng Muôn.
		Phù Yên	Xã Bắc Phong; Xã Mường Thải; Xã Mường Cơi; Xã Tân Lang; Xã Mường Lang; Xã Mường Do; Xã Đá Đỏ; Xã Nam Phong; Xã Sập Xa; Xã Suối Tọ; Xã Suối Bâu; Xã Kim Bon; Xã Mường Bang.
		Mộc Châu	Xã Phiêng Luông; Xã Mường Sang; Xã Chềng Hặc; Xã Nà Mường; Xã Qui Hướng; Xã Chiềng Yên; Xã Song Khủa; Xã Lóng Luông; Xã Tân Lập; Xã Tô Múa; Xã Chiềng Khoa; Xã Hua Phăng; Xã Vân Hồ; Xã Tân Hợp; Xã Xuân Nha; Xã Lóng Nập; Xã Chiềng Khừa; Xã Mường Men; Xã Suối Hàng; Xã Đông Sang; Xã Tà Lại; Xã Liên Hòa.
		Quỳnh Nhai	Xã Mường Chiên; Xã Pha Khinh; Xã Pắc Ma; Xã Cà Nàng; Xã Chiềng Ơn; Xã Mường Giôn; Xã Suối Hàng.
		Yên Châu	Xã Chiềng Khoi; Xã Chiềng Đông; Xã Chiềng Hặc; Xã Tú Nang; Xã Lóng Phiêng; Xã Phiêng Khoài; Xã Chiềng On; Xã Chiềng Tương; Xã Mượng Lựm; Xã Yên Sơn.
		Mai Sơn	Xã Mường Bằng; Xã Cò Nòi; Xã Hát Lót; Xã Mường Bon; Xã Chiềng Mung; Xã Chiềng Sung; Xã Chiềng Mai; Xã Chiềng Ban; Xã Chiềng Lương; Xã Chiềng

			Chăn; Xã Tà Hộc; Xã Chiềng Chung; Xã Mường Tranh; Xã Chiềng Dong; Xã Chiềng Kheo; Xã Chiềng Ve; Xã Chiềng Nơi; Xã Phiêng Bằn; Xã Phiềng Cằm; Xã Nà Ớt.
30.	**THÁI NGUYÊN**	**Đồng Hỷ**	Xã Văn Lăng; Xã Tân Long.
		Định Hoá	Xã Linh Thông; Xã Bảo Linh; Xã Qui Kỳ.
		Võ Nhai	Xã Sảng Mộc; Xã Nghinh Tường; Xã Vũ Chấn; Xã Thượng Nung; Xã Cúc Đường; Xã Thần Sa; Xã Tràng Sá; Xã Dân Tiến; Xã Bình Long; Xã Nguyên Minh; Xã Phương Giao.
31.	**THANH HOÁ**	**Mường Lát**	Xã Mường Chanh; Xã Pù Nhi; Xã Trung Lý; Xã Quang Chiểu; Xã Tam Chung; Xã Tén Tằn.
		Quan Sơn	Xã Trung Xuân; Xã Trung Hạ; Xã Sơn Thuỷ; Xã Sơn Hà; Xã Tam Thanh; Xã Sơn Ly; Xã Tam Lư; Xã Trung Thượng; Xã Sơn Điện.
		Quan Hoá	Xã Thiên Phủ; Xã Phú Nghiêm; Xã Hồi Xuân; Xã Xuân Phú; Xã Nam Xuân; Xã Phú Xuân; Xã Nam Động; Xã Phú Sơn; Xã Hiền Chung; Xã Nam Tiến; Xã Thanh Xuân; Xã Trung Thành; Xã Thành Sơn; Xã Hiền Kiệt; Xã Trung Sơn; Xã Phú Thanh; Xã Phú Lệ.
		Bá Thước	Xã Thiết Kế; Xã Văn Nho; Xã Kỳ Tân; Xã Điền Hạ; Xã Lũng Niêm; Xã Hạ Trung; Xã Lương Nội; Xã Thành Sơn; Xã Lương Ngoại; Xã Thành Lâm; Xã Điền Thượng; Xã Lương Trung; Xã Lũng Cao; Xã Cổ Lũng.
		Lang Chánh	Xã Lâm Phú; Xã Trí Nang; Xã Tân Phúc; Xã Giao An; Xã Yên Thắng; Xã Tam Văn; Xã Giao Thiện; Xã Yên Khương.
		Thường Xuân	Xã Vạn Xuân; Xã Xuân Thắng; Xã Xuân Lộc; Xã Xuân Thao; Xã Yên Nhân; Xã Xuân Lệ; Xã Xuân Liên; Xã Bát Mọt; Xã Xuân Mỹ; Xã Xuân Chinh.
		Ngọc Lạc	Xã Mỹ Tân; Xã Vân An; Xã Thạch Lập; Xã Cao Ngọc; Xã Thuỷ Sơn.
		Cẩm Thuỷ	Xã Cẩm Thạch; Xã Cẩm Thành; Xã Cẩm Châu; Xã Cẩm Yên; Xã Cẩm Phú; Xã Cẩm Long; Xã Cẩm Lương; Xã Cẩm Quý; Xã Cẩm Giang; Xã Cẩm Liên.

		Thạch Thành	Xã Thành Mỹ; Xã Thạch Quảng; Xã Thành Yên; Xã Thạch Lâm; Xã Thành Minh; Xã Thạch Tượng.
		Như Xuân	Xã Cát Vân; Xã Hoá Quỳ; Xã Xuân Quỳ; Xã Cát Tân; Xã Thành Tân; Xã Xuân Thái; Xã Xuân Bình; Xã Thanh Kỳ; Xã Xuân Thọ; Xã Thanh Phong; Xã Thanh Lâm; Xã Thanh Xuân; Xã Thanh Quân; Xã Thanh Sơn; Xã Xuân Hòa; Xã Bãi Trành.
32.	**THỪA THIÊN HUẾ**	**A Lưới**	Xã Sơn Thuỷ; Xã Hồng Quảng; Xã Hồng Nam; Xã Hồng Kim; Xã A Ngo; Xã Hồng Lâm; Xã Hồng Bắc; Xã Bắc Sơn; Xã Phú Vinh; Xã Hương Phong; Xã Hồng Vân; Xã Hồng Hạ; Xã Hương Nguyên; Xã A Roàng; Xã A Đớt; Xã Hồng Thái; Xã HồngThuỷ; Xã Hồng Thượng; Xã Hồng Trung; Xã Đông Sơn; Xã Nhâm.
33.	**TUYÊN QUANG**	**Yên Sơn**	Xã Hùng Lợi; Xã Trung Minh; Xã Kiến Thiết.
		Nà Hang	Xã Năng Khả; Xã Khuôn Hà; Xã Phúc Yên; Xã Thuý Loa; Xã Lăng Can; Xã Đức Xuân; Xã Thượng Lâm; Xã Thượng Giáp; Xã Xuân Lập; Xã Trung Khánh; Xã Thanh Tương; Xã Đà Vị; Xã Côn Lôn; Xã Hồng Thái; Xã Sinh Long; Xã Khau Tinh; Xã Sơn Phú; Xã Vĩnh Yên; Xã Yên Hoa; Xã Thượng Nông; Xã Xuân Tân; Xã Xuân Tiến.
		Chiêm Hoá	Xã Phúc Sơn; Xã Bình An; Xã Hồng Quang; Xã Trung Hà; Xã Hà Lang; Xã Tri Phú; Xã Linh Phú; Xã Thổ Bình; Xã Minh Quang; Xã Kiên Đài; Xã Bình Phú; Xã Yên Nguyên (Thôn Vĩnh Nhân); Xã Hoà Phú (Thôn Khau Kiềng; Thôn Khuôn Pợi; Thôn Khuôn Mọ; Thôn Khuổi Nhầu; Thôn Đồng Luộc); Xã Tân An (Thôn Phúc Tân); Xã Xuân Quang (Thôn Nà Lá; Thôn Làng Ngoan; Thôn Phai Cống); Xã Ngọc Hồi (Thôn Nà Mỏ).
		Hàm Yên	Xã Yên Thuận; Xã Phù Lưu.
34.	**YÊN BÁI**	**Trấn Yên**	Xã Hưng Khánh; Xã Hưng Thịnh; Xã Kiên Thành; Xã Lương Thịnh; Xã Việt Cường; Xã Hồng Ca; Xã Việt Hồng.
		Lục Yên	Xã Phan Thanh; Xã An Phú; Xã Khai Trung; Xã Tân Phượng; Xã Khánh Thiện; Xã Lâm Thượng; Xã Phúc Lợi; Xã Tô Mậu (Bản Khe Ma); Xã Tân Lĩnh (Bản

			Khuôn Thống); Xã Trung Tâm (Bản Trung Tâm 2); Xã Đông Quan (Bản 14 + 15).
		Văn Yên	Xã Lang Thíp; Xã Lâm Giang; Xã Châu Quế Hạ; Xã Phong Dụ Hạ; Xã Viễn Sơn; Xã Đại Sơn; Xã An Bình; Xã Châu Quế Thượng; Xã Phong Dụ Thượng; Xã Nà Hẩu; Xã Mỏ Vàng; Xã Xuân Tâm; Xã Quang Minh; Xã Xuân ái (Thôn Nghĩa Xuân; Thôn Cương Quyết); Xã Yên Phú (Thôn Đồng Sán); Xã Mâu Đông (Thôn Ngọn Ngòi); Xã Yên Hợp (Thôn Giàn Khế; Thôn Nghĩa Hồng); Xã Đông An (Thôn Trà; Thôn Khe Quyền); Xã Yên Thái (Thôn Hợp Thành; Thôn Quẽ; Thôn Trạng); Xã Ngòi A (Thôn Lâm An; Thôn Ngọn Ngòi); Xã Hoàng Thắng (Thôn Quyết Tâm; Thôn Quyết Tiến).
		Văn Chấn	Xã Tú Lệ; Xã Gia Hội; Xã Sơn Lương; Xã Sơn Thịnh; Xã Suối Giàng; Xã Đồng Khê; Xã Cát Thịnh; Xã Thượng Bằng La; Xã Minh An; Xã Đại Lịch; Xã Nậm Búng; Xã Nậm Mười; Xã Sùng Đô; Xã Nghĩa Sơn; Xã Suối Quyền; Xã An Lương; Xã Suối Bu; Xã Nậm Lành; Xã Nghĩa Tâm (Bản Diễm); Xã Tú Lê (Bản Khân Thán).
		Yên Bình	Xã Xuân Long; Xã Tân Nguyên (Bản Khe Cọ; Bản Cày Nham; Bản Ngòi Lú); Xã Bảo ái (Bản Ngòi Kè); Xã Tân Hương (Bản Trung Tâm); Xã Xuân Lai (Bản Khe Mỏ); Xã Cẩm Nhân (Bản Quyết Thắng); Xã Phúc Ninh (Bản Ngòi Na).
		Trạm Tấu	Xã Hát Lìu; Xã Bản Công; Xã Trạm Tấu; Xã Bản Mù; Xã Xà Hồ; Xã Pá Hu; Xã Pá Lau; Xã Túc Đán; Xã Làng Nhì; Xã Phình Hồ; Xã Tà Xi Láng.
		Mù Cang Chải	Xã Nậm Cố; Xã Cao Phạ; Xã Púng Luông; Xã La Pán Tẩn; Xã Zế Xu Phình; Xã Nậm Khắt; Xã Kim Nọi; Xã Mồ Dề; Xã Chế Cu Nha; Xã Chế Tạo; Xã Khau Mang; Xã Lao Chải; Xã Hồ Bốn.

Phụ lục 10

Danh mục vùng có điều kiện kinh tế và xã hội đặc biệt khó khăn theo.

- Quyết định 131 ngày 25/01/2017
- Quyết định 861 ngày 04/6/2017